

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRÀ ĐÌNH PHÚC

**QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH TỪ THỰC TIỄN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành: Quyền con người

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Mai Thanh

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

TRÀ ĐÌNH PHÚC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ICCPR	Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị 1966
HĐND	Hội đồng nhân dân
KHXH	Khoa học xã hội
NQ	Nghị quyết
QPPL	Quy phạm pháp luật
TCTT	Tiếp cận thông tin
TTDS	Tổ tụng Dân sự
TTHC	Thủ tục hành chính
TTHS	Tổ tụng Hình sự
UBND	Ủy ban nhân dân
UDHR	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CỦA QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	7
1.1. Khái niệm và vai trò quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính.....	7
1.2. Nội dung và đặc điểm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính	13
1.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện quyền quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính	18
1.4. Cơ sở pháp lý và cơ chế bảo đảm quyền quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính	20
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG BÌNH	29
2.1. Những điều kiện ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại Quảng Bình	29
2.2. Thực trạng thực hiện quyền tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình	32
2.3. Thực trạng thực hiện quyền tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình	37
2.4. Đánh giá cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình	49
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH	56
3.1. Phương hướng tăng cường bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính	56
3.2. Các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính	61
KẾT LUẬN	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền tiếp cận thông tin về TTHC là một trong những nội dung thuộc nhóm các quyền cơ bản của con người, của công dân đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên, Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989, Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng năm 2003... . Quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường. Quyền TCTT về TTHC là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thực hiện các quyền con người và quyền công dân. Trong thời đại hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, quyền TCTT với tư cách quyền cơ bản và là một trong những quyền quan trọng nhất của con người và công dân.

Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định “quyền được thông tin” là quyền cơ bản của công dân. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục kế thừa quy định về "quyền được thông tin" của Hiến pháp năm 1992 và sửa đổi thành "quyền tiếp cận thông tin" (Điều 25), đồng thời, lần đầu tiên hiến định các nguyên tắc thực hiện và hạn chế quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin. Triển khai thi hành Hiến pháp, "Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng một xã hội cởi mở hơn về thông tin và một Chính phủ công khai, minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, góp phần đưa chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong đó bao gồm Luật tiếp cận thông tin 2016.

Tuy nhiên, thực tế thực hiện quyền TCTT về TTHC của người dân chưa đạt được như quy định của pháp luật, việc công bố, công khai thông tin còn chậm, hình thức và thiếu hiệu quả: “Trong nhiều trường hợp, việc khai thác, tìm kiếm thông tin từ các cơ quan nhà nước thường bị gây phiền hà. Quyền làm chủ, quyền được thông tin của người dân có lúc, có nơi bị hạn chế, thậm chí bị vi phạm nghiêm trọng” [7.tr.14]. Việc chi tiết hóa quyền được thông tin được ghi nhận trong Hiến pháp còn chậm và chưa hệ thống, đầy đủ. Hơn thế nữa, hiện nay chưa có một cơ chế pháp lý cụ thể, đồng bộ bảo đảm quyền TCTT về TTHC của người dân. Pháp luật hiện hành mới chỉ dừng lại ở việc xác định trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước cũng như quyền được thông tin mang tính nguyên tắc, khái quát. Các cơ quan thuộc bộ máy quyền lực Nhà nước tự chịu trách nhiệm về thông tin và cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực mà cơ quan đó phụ trách, chưa tạo thành cơ chế thống nhất đồng bộ.

Bên cạnh đó, về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn bảo đảm quyền TCTT về TTHC, còn nhiều khía cạnh pháp lý phải đề cập đến liên quan đến nội dung, phương thức thực hiện quyền, cơ chế bảo đảm quyền TCTT về TTHC của công dân nói riêng và con người nói chung.

Từ những đòi hỏi về lý luận và thực tiễn, là một cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến các TTHC và trên cơ sở mong muốn có những đóng góp nhất định để triển khai thi hành Điều 25 Hiến pháp sửa đổi, tác giả đã chọn đề tài “Quyền TCTT về TTHC từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình” làm đề tài Luận văn Thạc sỹ của mình, với mong muốn góp phần đưa ra lời giải cho các câu hỏi đó.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam trong những năm qua chủ đề quyền tiếp cận thông tin (bao gồm quyền được thông tin) đã được nhiều tác giả nghiên cứu. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này được công bố, trong đó tiêu biểu như:

Về vấn đề quyền con người nói chung, có các công trình khoa học do Võ Khánh Vinh chủ biên như: *Quyền con người*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội,

2011; *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011; *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009; *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011; Võ Khánh Vinh chủ biên (2011), *Quyền con người tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011; *Quyền con người tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, tập 2*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011; Võ Khánh Vinh, Lê Mai Thanh chủ biên (2014), *Pháp luật quốc tế về quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; Võ Khánh Vinh, Lê Mai Thanh chủ biên (2014), *Cơ chế quốc tế và khu vực về quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.....

Về quyền tiếp cận thông tin nói riêng, có cuốn sách chuyên khảo “*Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*” do Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Trịnh Quốc Toàn, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011... Cuốn sách này đã đề cập đến nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền TCTT tại Việt Nam và trên thế giới, trên cơ sở đó đã đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền TCTT ở Việt Nam và bên cạnh đó có Luận văn thạc sỹ Luật học 2014 của Võ Tuyết Hà "Quyền TCTT" và Luận án Tiến sỹ Luật học 2016 của Lê Thị Hồng Nhung "Bảo đảm pháp lý quyền TCTT" của Học viện KHXH. Những tài liệu này đã đề cập đến nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền TCTT tại Việt Nam và trên thế giới, trên cơ sở đó đã đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền TCTT ở Việt Nam.

Bên cạnh các ấn phẩm là sách và kỷ yếu Hội thảo nêu trên, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành, như: “*Quyền được thông tin trong hoạt động báo chí*” của Thái Thị Tuyết Dung, đăng trên Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 248, tháng 8/2013; “*Quyền tiếp cận thông tin từ góc độ xã*

hội học quyền con người” của Lê Thị Hồng Nhung, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 24 (209) tháng 12/2011; “Một số giải pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân về TTHC” của Võ Tuyết Hà, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, “Quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam hiện nay” của Thiên Thanh và Lương Văn Tuấn, đăng trên tạp chí Tuyên Giáo ngày 12/11/2015.....” Quyền tiếp cận thông tin – điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân ” của Thái Vĩnh Thắng đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009; ” Quyền tiếp cận thông tin trong các văn kiện quốc tế ” của ThS Nguyễn Quỳnh Liên đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009; ” Cơ chế bảo đảm Quyền tiếp cận thông tin ” của ThS Nguyễn Thị Thu Vân đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009; ” Thực trạng quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam ” của ThS Dương Thị Bình đăng trên tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009; “Về quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động báo chí hiện nay” của Vinh Nguyễn, đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.....

Những công trình nghiên cứu nêu trên cung cấp một lượng kiến thức, thông tin lớn về chủ đề của luận văn, là nguồn tài liệu tham khảo quý báu cho việc thực hiện luận văn này.

Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào khảo sát toàn diện, chuyên sâu về quyền được TCTT về TTHC của công dân ở Việt Nam. Vì vậy, đề tài nghiên cứu này là vẫn có tính cấp thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là góp phần luận giải lý luận và thực tiễn để có thể thực hiện hiệu quả quyền được TCTT về TTHC của công dân tại tỉnh Quảng Bình..

Để đạt được mục tiêu trên, luận văn phải hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền được TCTT về TTHC của công dân;
- Phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền được TCTT về TTHC của công dân ở tỉnh Quảng Bình hiện nay;
- Đề xuất các phương hướng, giải pháp bảo đảm quyền được TCTT về TTHC tại tỉnh Quảng Bình nói riêng, ở nước ta nói chung trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là quyền TCTT về TTHC của công dân, của các cá nhân tại tỉnh Quảng Bình và những yếu tố tác động đến quyền này tại địa phương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt không gian, gắn với tiêu đề, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng bảo đảm quyền được TCTT về TTHC của công dân trong địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Về mặt thời gian, đề tài chỉ giới hạn nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay.

Về mặt nội dung, đề tài chỉ tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến quyền TCTT về TTHC của công dân, không mở rộng sang quyền thông tin về các lĩnh vực khác.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin, quan điểm của cộng đồng quốc tế về quyền tiếp cận thông tin; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về bảo đảm thực hiện quyền TCTT về TTHC của công dân

Luận văn sử dụng các phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh phân tích các số liệu, dữ liệu trong các công trình nghiên cứu đã công bố, các báo cáo của cơ quan chức năng, các văn bản pháp luật của nhà nước... để làm rõ

các vấn đề nghiên cứu đặt ra. Thêm vào đó, với tư cách là một cán bộ làm việc tại một cơ quan hành chính, có trách nhiệm đối với việc áp dụng các TTHC, tác giả còn sử dụng phương pháp khảo sát thực tế để thực hiện luận văn này.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn bổ sung những tri thức khoa học về quyền TCTT về TTHC của cá nhân, của công dân; giúp người đọc có cái nhìn toàn diện, chính xác về thực trạng và các yếu tố tác động đến việc bảo đảm quyền này ở tỉnh Quảng Bình nói riêng, ở nước ta chung.

Với những đóng góp mới như trên, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước hữu quan, đặc biệt là các cơ quan, ban ngành tại tỉnh Quảng Bình liên quan đến các TTHC được thực hiện hằng ngày như: Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch- Đầu tư, Sở Khoa học – Công nghệ..... trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật và cơ chế tổ chức bảo đảm quyền được TCTT về TTHC của cá nhân, của công dân. Bên cạnh đó, luận văn còn có thể được sử dụng như là một nguồn học liệu cho việc giảng dạy, nghiên cứu chuyên ngành quyền con người ở Học viện Khoa học Xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và các cơ sở đào tạo khác ở nước ta.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài các phần Mục lục, Danh mục các chữ viết tắt, Danh mục các tài liệu tham khảo và Kết luận, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận của quyền được TCTT về TTHC *Chương 2:* Thực trạng bảo đảm quyền được TCTT về TTHC của công dân ở tỉnh Quảng Bình *Chương 3:* Phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được TCTT về TTHC của công dân từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CỦA QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN

VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Khái niệm và vai trò quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

1.1.1. Khái niệm quyền tiếp cận thông tin về TTHC

Để có thể đưa ra được khái niệm về quyền TCTT về TTHC trước hết chúng ta phải nhận diện khái niệm quyền TCTT. Trước hết phải tìm hiểu một số thuật ngữ có liên quan như “tiếp cận”, “thông tin”, “quyền tiếp cận thông tin”, “quyền được thông tin”. Theo từ điển tiếng Việt, “tiếp cận” có nghĩa là từng bước, bằng những phương pháp nhất định, tìm hiểu về một đối tượng nghiên cứu nào đó, ví dụ: cách tiếp cận vấn đề [42.tr.987]. Việc tiếp cận hướng chủ thể đạt đến mục đích thu thập thông tin mà hoàn toàn không đề cập đến vấn đề sử dụng thông tin. Trong ngôn ngữ tiếng Việt, “thông tin” có nghĩa là thông báo tin tức, truyền tin cho nhau để biết [42.tr.953]. Tin tức có thể bao gồm tin tức về các sự kiện diễn ra trong thế giới xung quanh về kinh tế lẫn xã hội. Tin tức chính là tất cả những gì mang lại hiểu biết cho con người. Con người luôn có nhu cầu thu thập tin tức bằng nhiều cách khác nhau. Như vậy, tất cả các sự kiện diễn ra trong thế giới cả về tự nhiên lẫn xã hội đều được gọi là thông tin. Thông tin giúp làm tăng hiểu biết của con người, làm cơ sở cho các quyết định. Theo Tổ chức phi Chính phủ ARTICLE 19: “Thông tin” bao gồm tất cả các tài liệu được nắm giữ bởi một tổ chức, cơ quan nào đó. Thông tin không phân biệt hình thức, cách thức lưu trữ (văn bản, băng đĩa, bản ghi âm điện tử,...), nguồn gốc thông tin (bất cứ ở đâu có thể tạo ra thông tin, ở các cơ quan công quyền hay ở các cơ quan khác) và ngày tạo lập thông tin. Thông tin là cơ sở giúp con người biết về sự tồn tại của tự nhiên và xã hội, là cơ sở để đưa ra các quyết định nhằm hoạch định cuộc sống của mình, sự phát triển của cộng đồng và sự tồn vong của loài người” [11.tr.41].

“Quyền được thông tin và quyền tiếp cận thông tin có chung một nội hàm” [39.tr.289]. Để “được thông tin”, các chủ thể có quyền chủ động yêu cầu chủ thể nắm giữ thông tin cung cấp hoặc tiếp nhận khi chủ thể nắm giữ thông tin chủ động công khai thông tin. Để “tiếp cận thông tin” các chủ thể bằng cách này hay cách khác tiếp cận các thông tin đã được công khai hoặc phải đưa ra các yêu cầu nhằm có được thông tin mình cần. Như vậy, nội hàm của TCTT và được thông tin giống nhau, đó chính là khả năng thực hiện quyền của chủ thể để có được thông tin. Vậy khi nói đến quyền được thông tin cũng chính là nói đến quyền TCTT.

Điều 19 Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 quy định: *“Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến; kể cả tự do bảo lưu quan điểm không bị can thiệp; cũng như tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất cứ phương tiện truyền thông tin nào, và không có giới hạn về biên giới”* [9.tr.52]. Nội dung Điều 19 đã đề cập đến nội dung TCTT đó là tìm kiếm, tiếp thu (tiếp nhận) và phát (truyền bá) thông tin. Ngoài ra, có thể nhận thấy, quyền tự do thông tin có quan hệ mật thiết với quyền tự do ngôn luận. Quyền tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến chỉ có thể thực hiện được trên thực tế nếu chủ thể được tiếp cận các thông tin cần thiết để hình thành nên quan điểm của mình. Khoản 2 Điều 19 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (viết tắt là ICCPR) quy định: *“Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận, và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ”* [9.tr.85-86]. Như vậy, ICCPR đã quy định nội hàm quyền tự do ngôn luận bao hàm cả tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin. Ba nội dung trên chính là những nội dung cốt lõi của quyền tự do thông tin, đòi hỏi mỗi quốc gia phải thực hiện nghĩa vụ của mình trong việc đảm bảo cho cá

nhân/công dân được thực hiện quyền này. Theo các quy định trên, quyền tự do thông tin là quyền bao hàm cả quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin. Lịch sử hình thành, phát triển của quyền tự do thông tin, và xu hướng chung trên thế giới đã sử dụng thuật ngữ TCTT dần thay thế cho tự do thông tin nhưng nội hàm của quyền không thay đổi. Như vậy, quyền TCTT bao gồm tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá thông tin.

TTHC hiện nay chưa có quy định khái niệm nào rõ ràng, tuy nhiên theo quy định tại khoản 1, điều 3 của Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát TTHC thì được hiểu là: "*Thủ tục hành chính*" là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

TTHC do pháp luật quy định chính vì vậy nó có tính bắt buộc thi hành đối với các cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền tiến hành TTHC và mọi công dân, tổ chức tham gia vào TTHC.

TTHC diễn ra trong lĩnh vực chấp hành và điều hành: Nếu có sự thừa nhận hoạt động của nhà nước có sự phân công và phối hợp chặt chẽ trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp thì tương ứng chúng ta có thủ tục lập pháp, thủ tục tư pháp và thủ tục hành chính. Thủ tục lập pháp là thủ tục xây dựng hiến pháp, luật, các văn bản mang tính luật. Thủ tục tư pháp là thủ tục xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính do TA, VKS tiến hành. Còn thủ tục hành chính là thủ tục giải quyết các công việc mang tính chất hành và điều hành. Đó chủ yếu các thủ tục tiến hành các hoạt động công vụ nhằm hỗ trợ, tổ chức hay tạo điều kiện để các hoạt động của đời sống xã hội, hoạt động kinh tế được thực hiện thuận lợi.

Chỉ có các hoạt động quản lý hành chính được quy phạm TTHC điều chỉnh mới tạo thành TTHC, còn các hoạt động tổ chức – tác nghiệp cụ thể nào đó trong

hoạt động quản lý hành chính không mang nội dung quyền lực nhà nước, không được các quy phạm TTHC điều chỉnh thì không được thực hiện theo TTHC.

Trên cơ sở nhưng nhận thức về quyền con người có thể đưa ra khái niệm quyền TCTT về TTHC như sau: *Quyền tiếp cận thông tin về TTHC được hiểu là quyền và khả năng của cá nhân/công dân trong tìm kiếm, tiếp nhận thông tin về TTHC từ các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thỏa mãn các nhu cầu của mình, và nhằm thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật phục vụ đời sống hàng ngày được pháp luật quốc gia, quốc tế tôn trọng và bảo vệ.*

Từ định nghĩa trên có thể rút ra một số điểm lưu ý:

Trước hết quyền TCTT về TTHC là những nhu cầu tự nhiên vốn có của con người.

Thứ hai quyền này chỉ phát sinh trong quá trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các TTHC để quản lý xã hội hoặc cung cấp dịch vụ công .

Thứ ba, với ý nghĩa quyền TCTT về TTHC là một trong các quyền cơ bản của con người, chủ thể của quyền TCTT về TTHC nên hiểu là cá nhân/công dân.

1.1.2. Vai trò của quyền tiếp cận thông tin về TTHC

Nhu cầu nắm bắt thông tin luôn đồng hành cùng với sự phát triển của xã hội loài người. Thông tin là cơ sở để con người đưa ra các quyết định liên quan đến cá nhân, xã hội và cộng đồng, là công cụ để người dân có thể giám sát hoạt động của chính phủ và là cơ sở để người dân có thể tranh luận về những hoạt động đó. Cùng với sự phát triển của xã hội, các nhu cầu của con người trong đó có nhu cầu về thông tin và khả năng đáp ứng nhu cầu TCTT của con người cũng phát triển theo. Ngày nay nhân loại đã nhận thức sâu sắc hơn vai trò của thông tin đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Từ năm 1776, pháp luật của Thụy Điển, Nghị quyết số 59 của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 14/12/1946, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con

người năm 1948, ICCPR... đã ghi nhận tự do thông tin là một trong các quyền con người cơ bản. Đến năm 2011 "trên thế giới đã có khoảng trên 80 quốc gia đã hiến định quyền này, gần 70 quốc gia trên thế giới đã ban hành Luật Tự do thông tin cũng như 50 quốc gia khác đang nỗ lực xem xét ban hành Luật này." [10.tr.71]. Nhìn chung, hầu hết các luật tiếp cận thông tin trên thế giới đều nhằm bảo đảm quyền TCTT của cá nhân/công dân, từ đó thúc đẩy sự trong sạch, minh bạch về việc công khai thông tin trong các cơ quan công quyền; và đều khẳng định cá nhân/công dân có quyền TCTT, có quyền yêu cầu các cơ quan công quyền cung cấp thông tin với điều kiện những thông tin này là thông tin chính thức và không nằm trong phạm vi giới hạn quyền tiếp cận.

Ở Việt Nam, công khai thông tin về TTHC đã được tiến hành từ thời phong kiến, các mõ làng, các bảng cáo thị là phương tiện để chính quyền phong kiến cung cấp các thông tin đến người dân. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin chỉ dừng lại ở chỗ chính quyền muốn cung cấp thông tin gì người dân chỉ được nhận thông tin đó. Kể từ khi Nhà nước Việt Nam ra đời, hệ thống pháp luật đã có nhiều quy định cụ thể bảo đảm "quyền được thông tin của công dân" và đã được hiến định trong Hiến pháp 1992. Đến Hiến pháp sửa đổi, "quyền được thông tin" đã được tiếp tục hiến định thành quyền "tiếp cận thông tin". Việt Nam đã khởi động xây dựng Luật Tiếp cận thông tin từ năm 2009 và Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Đối với công dân, quyền TCTT về TTHC là nền tảng, là cơ sở, là tiền đề để thực hiện những quyền con người về dân sự và chính trị, các quyền về kinh tế, văn hóa và xã hội. Để thực hiện các quyền về chính trị như quyền tham gia quản lý công việc của Nhà nước và xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, thực hiện quyền bầu cử và ứng cử... đòi hỏi công dân phải có đầy đủ các thông tin. Nếu không có thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, thì công dân không thể

thực hiện các quyền này. Để thực hiện quyền bầu cử, nếu các cơ quan có thẩm quyền không cung cấp đầy đủ các thông tin về ứng cử viên trong danh sách bầu cử, thì người dân không biết lựa chọn người nào. Việc tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân đều dựa trên sự hiểu biết chủ yếu được hình thành trên cơ sở các thông tin mà công dân nắm được. Nếu thiếu thông tin, việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân sẽ gặp khó khăn, họ không biết gửi đơn khiếu kiện đến cơ quan nào, ai là người chịu trách nhiệm chính về loại vụ việc này...

TTHC là công cụ để người dân có thể giám sát hoạt động của Chính phủ và là cơ sở để người dân có thể phản biện các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hoạt động giám sát của công dân có thể trực tiếp thực hiện hoặc gián tiếp thông qua cơ chế đại diện như Quốc hội, Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) các cấp và đại biểu dân cử. Thông qua chức năng các cơ quan này để giám sát hoạt động của nhà nước đúng quy định của pháp luật, hoặc có thể phản biện về các quyết sách của nhà nước. Biểu hiện rõ nhất đó việc nhân dân tham gia ý kiến vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Đối với nhà nước, thông tin là cơ sở, là tiền đề để Nhà nước đưa ra các quyết sách lãnh đạo đất nước. Các cơ quan, tổ chức nhà nước trong quá trình lãnh đạo, điều hành cần nắm bắt các thông tin trong thực hiện các chủ trương, chính sách, quyết định của mình đưa ra thông qua đánh giá tổng kết, sơ kết việc, điều tra khảo sát... trên cơ sở đó, các thông tin chính xác sẽ phục vụ cho hoạt động hoạch định tiếp theo. Mặt khác, việc nắm bắt các thông tin thế giới rất cần thiết cho hoạt động lãnh đạo, điều hành của nhà nước. Nếu không nắm bắt được nhu cầu của thị trường thế giới và các khu vực để cung ứng sản phẩm thích hợp, thì chúng ta không thể đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu được.

Trong quá trình phát triển của một nhà nước dân chủ, quyền TCTT về TTHC là một quyền quan trọng, thiết yếu của mỗi người dân. Những quyết định của Chính phủ phải được thông tin rộng rãi đến người dân và phải được

bình luận, phản biện từ phía người dân, các tổ chức xã hội dân sự và các cơ quan thông tin đại chúng. Trên cơ sở đó mới có thể đưa ra được những quyết sách đúng, mới có thể nhận được sự ủng hộ đồng thuận của nhân dân, đặc biệt là những quyết sách liên quan đến đời sống kinh tế - xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, quyền TCTT là một trong những công cụ không thể thiếu để công chúng có thể giám sát hoạt động của Nhà nước, thông qua đó tạo nên tính cân bằng về quyền lực trong hoạt động quản lý nhà nước. Quyền TCTT về TTHC của người dân là một trong những yếu tố tạo nên tính minh bạch và tin cậy cho hoạt động quản lý nhà nước, một yếu tố gắn liền với dân chủ và nhà nước pháp quyền.

Việt Nam đang trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN với mục tiêu xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, Nhà nước ta luôn mở rộng dân chủ, tổ chức tốt các điều kiện để nhân dân tham gia ngày càng sâu rộng hơn vào quản lý xã hội theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Vấn đề “dân biết” là cơ sở đầu tiên để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình, gắn liền với quyền TCTT về TTHC của công dân. Vì vậy, cần sớm ban hành luật về bảo đảm quyền TCTT để công dân thực hiện tốt quyền hiến định của mình.

1.2. Nội dung và đặc điểm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

1.2.1. Nội dung quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

Quyền TCTT về TTHC là một trong những quyền cơ bản của cá nhân/công dân. Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và ICCPR đã khẳng định quyền tự do thông tin của con người. Trong các văn kiện trên, quyền tự do thông tin được sử dụng theo nghĩa rộng bao hàm cả tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá (phổ biến) thông tin với những tên gọi khác nhau như *quyền tự do thông tin hoặc quyền TCTT...*

Quyền TCTT là quyền của mọi cá nhân, công dân được tiếp cận các thông tin được ban hành và lưu giữ tại các cơ quan, tổ chức công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan công quyền nắm giữ thông tin không vì bản thân họ mà với tư cách là người bảo vệ lợi ích của công chúng. Quyền TCTT cho phép chủ thể tự do tìm kiếm, tiếp nhận và tự do truyền bá thông tin.

Tự do tìm kiếm thông tin có nghĩa là chủ thể trong quá trình thực hiện quyền TCTT về TTHC có thể tự do tìm kiếm thông tin cần thiết cho mình bằng bất cứ phương tiện nào hoặc bất cứ cách thức tiếp cận nào mà không bị cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào cản trở, không bị phân biệt đối xử và được nhà nước bảo vệ với các phương thức, cách thức tìm kiếm hợp pháp.

Tự do tiếp nhận thông tin là việc các chủ thể trong quá trình tiếp nhận thông tin tùy theo khả năng của mình có thể tiếp nhận các thông tin được cung cấp mà không bị ép buộc bởi dung lượng thông tin cung cấp, cách thức tiếp cận, phương tiện tiếp cận và loại thông tin cần thiết. Nhà nước khi ban hành chính sách, pháp luật phải kịp thời in ấn, phát hành công khai hoặc phải tổ chức việc cung cấp thông tin cho công dân khi có yêu cầu; đồng thời có biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền TCTT của công dân mình.

Tự do truyền bá thông tin có nghĩa là các chủ thể quyền được truyền đạt, chia sẻ quan điểm, thông tin với chủ thể quyền khác, không phân biệt ranh giới hay hình thức phát tin. Quyền này đòi hỏi các chủ thể có trách nhiệm tôn trọng, không được ngăn cản hay cản trở chủ thể quyền thực hiện việc trao đổi, phổ biến, chia sẻ quan điểm, thông tin.

Quyền TCTT về TTHC là một quyền con người không tuyệt đối nên có thể bị giới hạn trong những trường hợp và dựa vào luật định. Quyền TCTT cũng có thể bị đình chỉ khi xuất hiện một số điều kiện mà khi các điều kiện đó không còn thì quyền sẽ được khôi phục.

Theo từ điển Tiếng Việt “giới hạn” là phạm vi, mức độ nhất định, không thể hoặc không được phép vượt qua [42.tr.405]. Khoản 3 Điều 19 của ICCPR quy định “*Việc thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều này kèm theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, việc này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được quy định trong pháp luật và cần thiết để: a) Tôn trọng các quyền và uy tín của người khác; b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội.*”. ICCPR đã cho phép các quốc gia thành viên có thể đặt ra giới hạn thực hiện quyền TCTT về TTHC và quyền TCTT về TTHC chỉ có thể bị giới hạn trong những trường hợp: Tôn trọng các quyền và nhân phẩm của người khác; bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của xã hội.

Như vậy, yếu tố tác động đến giới hạn của quyền TCTT về TTHC đó là quyền tự do, thanh danh của người khác, an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe và đạo đức của xã hội. Theo quy định trên, những giới hạn của quyền TCTT về TTHC phải được *Luật quy định*. Điều đó có nghĩa là việc giới hạn thực hiện quyền này phải được quy định cụ thể trong luật của quốc gia. Chính phủ mỗi nước cần xác định rõ những loại thông tin nào là thông tin công cần phải được công khai và những loại thông tin nào cần phải được bảo mật. Giới hạn quyền này cũng như các quyền con người khác phải được ấn định trong văn bản Luật.

Các vấn đề liên quan đến lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và lợi ích của các chủ thể khác trong xã hội là những điều kiện mà các quyền con người có thể sẽ bị giới hạn (đối với quyền không tuyệt đối) như quyền TCTT về TTHC. Đó là giới hạn quyền mà các quốc gia có thể ấn định trong quá trình bảo đảm quyền. TCTT về TTHC trong phạm vi đã được giới hạn sẽ là một hoạt động thực tiễn bảo đảm quyền con người. TCTT về TTHC không có nghĩa là tất cả các tin tức mà nhà nước đang nắm giữ đều được công khai và

TCTT về TTHC không đồng nhất với việc cá nhân, công dân được tự do tìm kiếm, tiếp cận tất cả các loại hồ sơ, tài liệu lưu trữ. Quyền TCTT về TTHC có thể bị giới hạn trên cơ sở các điều kiện như đã phân tích căn cứ vào luật định.

Giới hạn quyền TCTT về TTHC được thể hiện qua ba cách: Giới hạn phạm vi các chủ thể được quyền TCTT về TTHC; giới hạn phạm vi các chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin và giới hạn phạm vi thông tin được cung cấp. Tuy nhiên khi thiết lập các quy tắc pháp lý về giới hạn quyền thường được thực hiện dựa trên sự tác động tổng thể của ba yếu tố. Trong một số vấn đề đặc thù cần phải hội tụ cả ba yếu tố mới có thể đảm bảo được sự vận hành những ngoại lệ mang tính tự nhiên của các giới hạn, song cũng có trường hợp chỉ cần một yếu tố cũng đủ cơ sở đảm bảo các lợi ích mà nhà nước cần bảo vệ.

1.2.2. Đặc điểm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

Quyền TCTT về TTHC với vai trò là một trong những quyền cơ bản của con người nên sẽ hàm chứa trong nó những đặc điểm cơ bản của quyền con người nói chung đó là: Tính phổ biến, tính không thể tước đoạt, tính không thể phân chia, tính liên hệ phụ thuộc lẫn nhau. “Tính phổ biến thể hiện ở chỗ quyền con người được thực hiện ở mọi quốc gia không phụ thuộc vào chế độ chính trị - kinh tế của họ” [8.tr.30-31]. “Tính không thể tước đoạt thể hiện ở chỗ đã là quyền con người, nó không thể bị tước đoạt một cách tùy tiện, trừ trường hợp được pháp luật quy định và lý do tước đoạt là hành vi vi phạm pháp luật của người bị tước đoạt. Tính không thể phân chia thể hiện ở chỗ quyền con người là phạm trù tổng hợp gồm các quyền và tự do của con người vốn quan trọng như nhau và gắn bó chặt chẽ với nhau, tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện hoàn cảnh xã hội khác nhau mà một số quyền được ưu tiên thực hiện hoặc được chú ý bảo vệ hơn. Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau của quyền con người thể hiện ở chỗ các quyền con người không thể tồn tại một cách biệt lập mà trong một tổng thể vừa là tiền đề vừa là kết quả của nhau” [21,tr.32].

Bên cạnh đó, xuất phát từ nội dung của quyền, quyền này có những đặc điểm khác biệt so với các quyền khác, mặc dù vẫn trong tổng thể các quyền con người không thể tách rời, liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau.

1.2.2.1. Thủ tục hành chính là cơ sở, là tiền đề để các công dân thực hiện các quyền con người khác

Trên cơ sở thực hiện quyền TCTT về TTHC, các cá nhân, của công dân có được thông tin từ đó thực hiện các quyền của mình đã được pháp luật ghi nhận. Bảo đảm quyền TCTT về TTHC sẽ tạo ra cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các quyền con người khác cũng như yêu cầu Nhà nước bảo đảm các quyền và tự do cơ bản của mình. Ví dụ, có được thông tin về các chính sách hỗ trợ đối với các vùng đặc biệt khó khăn, cư dân có thể yêu cầu Nhà nước trợ cấp. Trên cơ sở nắm bắt được thông tin về diễn biến cơn bão, chính quyền và nhân dân các địa phương được dự báo bão đi qua sẽ có thể đối đầu, chuẩn bị phòng, chống bão và bảo đảm an toàn tính mạng cho cư dân. Hoặc để thực hiện quyền tự do kinh doanh, nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cung cấp cho người dân biết những thông tin về các hoạt động kinh doanh có điều kiện, thì hoạt động kinh doanh sẽ gặp những rủi ro. Trong cuộc sống hàng ngày, thông tin có vai trò quan trọng trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến mỗi cá nhân/công dân. Không có thông tin thì người dân không thể biết, không thể bàn, không thể làm, không thể kiểm tra về bất cứ vấn đề gì.

1.2.2.2. Thủ tục hành chính gắn với nhiều phương thức thực hiện khác nhau

TTHC cho phép chủ thể có thể tiếp cận một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ động hoặc bị động các thông tin. Tiếp cận trực tiếp thể hiện thông qua hoạt động yêu cầu cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, nắm giữ thông tin cung cấp thông tin cho mình. Tiếp cận gián tiếp được thực hiện khi các chủ thể tiếp nhận thông tin thông qua các phương tiện khác như sách báo, tạp chí... Tiếp cận chủ động là việc chủ thể có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về TTHC yêu cầu chủ thể có

nghĩa vụ cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin cho mình. Tiếp cận bị động là việc chủ thể nhận tin do các chủ thể nắm tin chủ động cung cấp. Đối với việc tìm kiếm tin, nhận tin cũng như phát tin đều có thể thực hiện theo các phương thức khác nhau trên cơ sở quy định của pháp luật.

1.2.2.3 Thủ tục hành chính thể hiện sự tương tác giữa chủ thể có quyền và chủ thể có nghĩa vụ trong cung cấp thông tin

Chủ thể có quyền yêu cầu TTHC là các cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu về thông tin về các TTHC. Chủ thể có nghĩa vụ và trách nhiệm cung cấp thông tin là các cơ quan nhà nước, tổ chức đang lưu giữ, nắm giữ các thông tin. Để quyền TCTT về TTHC được phát huy hiệu quả trên thực tế, có tính khả thi cao đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa hai chủ thể này.

Ngoài nội dung truyền tin, quyền này còn cần đến sự phối hợp khi cá nhân truyền tin. Trong trường hợp này, nếu cá nhân có phản biện, truyền tin đến cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan đó cũng phải tiếp nhận và xử lý trong phạm vi trách nhiệm của mình.

1.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

1.3.1. Điều kiện chính trị

Việc thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng về quyền con người nói chung, về TCTT về TTHC nói riêng thể hiện qua Luật tiếp cận thông tin; bảo đảm cá nhân/công dân thực hiện quyền TCTT chính đáng và được pháp luật bảo hộ. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, các nhánh quyền lực trong Bộ máy Nhà nước hoạt động trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước nỗ lực xây dựng và kiện toàn các thiết chế đảm bảo quyền con người trên thực tế. Hệ thống các cơ quan nhà nước được xây dựng bảo đảm các quyền và tự do cơ bản của con người, quyền công dân trong đó bao gồm quyền TCTT về TTHC của cá nhân/công dân. Bên cạnh đó, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức khác cũng đóng vai trò quan trọng

trong việc hỗ trợ các cá nhân thụ hưởng quyền TCTT về TTHC. Quyền của người dân được thông tin và tham gia đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng pháp luật ngày càng được tôn trọng và bảo đảm tốt hơn...

1.3.2. Điều kiện kinh tế

Nhà nước xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, phải đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề vật chất để thực hiện và bảo đảm quyền con người nói chung, quyền TCTT về TTHC nói riêng. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, khoa học công nghệ, củng cố cơ sở hạ tầng và các điều kiện để có thể đáp ứng nhu cầu thực hiện quyền TCTT về TTHC ở cả ba nội dung: Tìm tin, tiếp tin và phát tin.

1.3.3 Điều kiện văn hóa

Việc nâng cao dân trí, nâng cao nhận thức của các chủ thể tiếp cận và cung cấp tin cũng như việc nâng cao chất lượng giáo dục cho các nhóm chủ thể yếu thế, các nhóm chủ thể thuộc dân tộc ít người cần phải được tính đến trong quá trình bảo đảm quyền này. Xuất phát từ yếu tố văn hóa cộng đồng làng xã Việt Nam, cần chú trọng đến yếu tố này trong quá trình làm chính sách và bảo đảm quyền. Người Việt Nam với văn hóa cộng đồng luôn quan tâm và chia sẻ với nhau không chỉ các khía cạnh vật chất mà còn cả góc độ tinh thần, do vậy, các điều kiện văn hóa đó tác động đến hiệu quả quyền TCTT rất lớn.

1.3.4 Điều kiện xã hội

Mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện và bảo đảm quyền TCTT về TTHC cần được tính đến, kết hợp trách nhiệm của nhà nước với việc xã hội hóa các phương thức thực hiện quyền TCTT về TTHC. Những hình thức thông tin của cụm dân cư, phường xã, quận huyện luôn đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cá nhân tại Việt Nam. Xã hội Việt Nam là xã hội phương Đông, vậy nên yếu tố tích cực chủ

động của cơ quan Nhà nước gắn với các đặc điểm xã hội sẽ tác động đến khả năng thực hiện quyền TCTT về TTNC của cá nhân phù hợp với pháp luật quốc tế.

1.3.5. Điều kiện pháp lý

Trong toàn bộ những bảo đảm quyền TCTT về TTNC, bảo đảm về pháp lý là quan trọng nhất. Chế định quyền con người được hình thành từ Hiến pháp 1946, được hoàn thiện dần từ khi có chính sách đổi mới và trên nền tảng của Hiến pháp 2013. Riêng từ năm 1986 đến nay, Nhà nước Việt Nam đã ban hành, sửa đổi trên 13.000 văn bản luật và dưới luật, trong đó có Luật tiếp cận thông tin. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã thể hiện sự tương thích ở mức độ cao với các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người bằng việc khẳng định tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người. Một số quyền con người trước đây không được đề cập như quyền tự do kinh doanh, quyền tiếp cận thông tin... nay đã được quy định trong Hiến pháp, pháp luật và được bảo đảm trên thực tế.

Điều kiện pháp lý thực hiện quyền TCTT của công dân được xem xét ở hai phương diện khác nhau: Phương diện chính sách, pháp luật, phương diện cơ chế hoạt động của các cơ quan nhà nước tổ chức bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân.

1.4. Cơ sở pháp lý và cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

1.4.1. Cơ sở pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

1.4.1.1. Các văn kiện quốc tế có liên quan về tiếp cận thông tin

Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 thừa nhận ba nội dung quyền tiếp cận thông tin như “*tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền bá các ý tưởng và thông tin bằng bất kỳ phương tiện truyền thông nào, và không có giới hạn về biên giới.*”

Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận, bày tỏ ý kiến và tự do thông tin (tiếp cận thông tin). Ba khía cạnh này có quan hệ mật thiết với nhau. Tự do ngôn luận và bày tỏ ý kiến có thể thực hiện được trên thực tế nếu những chủ thể có quyền có khả năng tiếp cận được thông tin mà họ cần để hình thành nên quan điểm của mình. Việc bảo vệ và tự do phát biểu chính kiến bao gồm cả việc tự do thông tin và các phương tiện truyền thông.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR):
Điều 19, Khoản 2 quy định “*Mọi người có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi thông tin, ý kiến, không phân biệt lĩnh vực, hình thức tuyên truyền bằng miệng, bằng bản viết, in, hoặc dưới hình thức nghệ thuật, thông qua bất kỳ phương tiện thông tin đại chúng nào tùy theo sự lựa chọn của họ.*”

Vậy quy định của Điều 19 trên đã thể hiện rõ nội hàm quyền tự do ngôn luận bao gồm: Tự do tìm kiếm, tiếp thu (tiếp nhận) và truyền bá thông tin. Quyền TCTT ở trong tổng thể của quyền tự do ngôn luận nên có cùng nội hàm với quyền tự do ngôn luận. Nội hàm quyền TCTT bao gồm: Tự do tìm kiếm, tiếp thu (tiếp nhận) và phát (truyền bá/phổ biến) tin. Quy định này đòi hỏi mỗi quốc gia thành viên phải thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thông tin cho công dân.

Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003: Nội dung Công ước có nhiều điều khoản yêu cầu quốc gia thành viên phải đảm bảo sự minh bạch và công khai trong hoạt động của các cơ quan công quyền như Điều 9, Điều 10, Điều 13... Trong đó, Điều 10 quy định về báo cáo công khai khuyến khích các quốc gia ban hành các biện pháp nhằm tăng cường khả năng TCTT của công chúng như một biện pháp hữu hiệu để chống lại tham nhũng; Điều 13 yêu cầu các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp nhằm thúc đẩy sự tham gia chủ động của các cá nhân và tổ chức ngoài khu vực công vào công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng; và nhằm

nâng cao nhận thức của công chúng về sự tồn tại, nguyên nhân và tính chất nghiêm trọng cũng như sự đe dọa của tham nhũng.

Trong Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ năm 1989, Điều 13 quy định “Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng ở mọi lĩnh vực, bằng lời nói, văn bản viết tay hoặc bản in, hay dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn.”...

1.4.1.2. Luật mẫu về tự do thông tin (do tổ chức ARTICLE 19 xây dựng)

Bộ nguyên tắc của Luật Tự do thông tin: Tổ chức ARTICLE 19 đã xây dựng bộ nguyên tắc của Luật Tự do thông tin như là tiêu chuẩn đánh giá tính chất tiên bộ của các văn bản pháp luật quốc gia về quyền tự do thông tin. Bộ nguyên tắc gồm 9 nguyên tắc: Nguyên tắc 1, công khai thông tin một cách tối đa; Nguyên tắc 2, nghĩa vụ công khai; Nguyên tắc 3, khuyến khích mô hình Chính phủ mở; Nguyên tắc 4, phạm vi và các trường hợp ngoại lệ; Nguyên tắc 5, tạo thuận lợi cho quá trình tiếp cận thông tin; Nguyên tắc 6, chi phí tiếp cận thông tin; Nguyên tắc 7, mở các cuộc họp; Nguyên tắc 8, công khai quyền ưu tiên; Nguyên tắc 9, bảo vệ người cung cấp thông tin. Những nguyên tắc này đề cập một cách rõ ràng và cụ thể những cách thức mà Chính phủ có thể công khai tối đa hoạt động của mình.

Một số nội dung cơ bản của Luật mẫu về tự do thông tin: Về đối tượng điều chỉnh bao gồm các cơ quan công cộng và cơ sở tư nhân. Về phạm vi thông tin phải công khai: Mục 17 quy định phạm vi thông tin phải công khai định kỳ hàng năm. Về phạm vi thông tin không được cung cấp: Phần IV quy định những ngoại lệ mà có thể từ chối cung cấp thông tin. Từ Mục 22 đến Mục 33 đã quy định 12 ngoại lệ cho phép có thể từ chối cung cấp thông tin. Thời hạn trả lời yêu cầu cung cấp thông tin (Mục 9) đối với thông tin bình thường, trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Đối với những thông tin cần thiết để bảo vệ tín mạng hoặc tự do của một

người, thì thời hạn trả lời yêu cầu cung cấp thông tin phải được thực hiện trong vòng 48 giờ. Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả một khoản lệ phí nhất định ngoại trừ yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân hoặc thông tin về lợi ích công cộng, cho phép quốc gia quy định những trường hợp miễn lệ phí và lệ phí cung cấp thông tin không được vượt quá một mức trần nhất định (mục 11). Về cơ chế tổ chức thực hiện: Bên cạnh cán bộ phụ trách thông tin của các cơ quan, tổ chức còn có Cao ủy thông tin quốc gia. Luật còn quy định chế tài xử lý vi phạm (mục 48, 49), bảo vệ người cung cấp thông tin (mục 47 và 48)...

1.4.2. Cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính ở Việt Nam

Trong những năm qua, TTHC luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng và xác định là một trong những giải pháp cải cách để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện một trong 10 nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2016-2020 được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đề ra là: "Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và đảm bảo quyền tự do dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật", Văn kiện Đại hội đã tiếp tục xác định cải cách TTHC là một trong những giải pháp trọng tâm. Trong đó, "*Tập trung cải cách TTHC theo hướng tinh giản, gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng TTHC. Chỉ quy định những TTHC thực sự cần thiết, hợp lý, đúng pháp luật và tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch các quy trình, TTHC. Bảo đảm quyền tự do của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế đi đôi với tuân thủ pháp luật. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết TTHC. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện Chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách,*

pháp luật." [38.tr. 310] .

Đề đẩy mạnh công tác cải cách TTHC, Chính phủ đã từng bước xây dựng, hoàn thiện thể chế về hoạt động kiểm soát TTHC, thể hiện qua các Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính ... Đến năm 2015, nội dung kiểm soát việc quy định về TTHC đã được Quốc hội đưa vào Luật Ban hành văn bản QPPL. Trong công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện giải pháp cải cách TTHC, thể hiện qua các văn bản gần đây như Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ: về Chính phủ điện tử; Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP của Chính phủ Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

1.4.2.1. Quyền tiếp cận thông tin về TTHC qua các bản Hiến pháp

- Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001 sau đây gọi là Hiến pháp 1992)

Đây là bản Hiến pháp ra đời trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước. Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 1992 đã có một bước phát triển mới về cả nội dung và hình thức so với ba bản Hiến pháp trước đó

(Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1958 và Hiến pháp năm 1980). Với tinh thần mở rộng tự do dân chủ, khẳng định tính hiện thực của các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nhiều quyền con người đã được hiến định, trong đó Điều 69 đã quy định “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; ***có quyền được thông tin***; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.” Bên cạnh việc quy định quyền được thông tin của công dân, Hiến pháp cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước cung cấp những thông tin. Điều 114 Hiến pháp 1992 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nhiệm vụ “*thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng mà Chính phủ phải giải quyết*” nhằm đáp ứng quyền được thông tin của công dân.

Việc hiến định quyền được thông tin của dân trong Hiến pháp 1992 là sự thể hiện một bước tiến mới trong việc hiến định các quyền con người và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra”. Việc tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền được thông tin là một vấn đề cốt lõi trong phương châm này.

- Hiến pháp năm 2013

Thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu về mọi mặt từ chính trị, kinh tế đến xã hội, từ đó đời sống người dân được nâng cao, việc thực hiện các quyền con người trên thực tế cũng đã đạt được thành tựu đáng kể. Vấn đề quyền con người đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm hơn và một trong những thành tựu nổi bật đó là quy định tại Chương II - Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (chuyển từ vị trí Chương V “ Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” trong Hiến pháp 1992) . Quyền con người trong Hiến pháp 2013 đã được mở rộng hơn, bổ sung nhiều quyền mới như quyền sống, quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa... Điều 25

Hiến pháp đã quy định “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, *tiếp cận thông tin*, hội họp, lập hội, biểu tình.” Đồng thời, để bảo đảm thực hiện quyền TCTT của công dân, Khoản 6 Điều 98 Hiến pháp sửa đổi quy định Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ “Thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.”

1.4.2.2. Quyền tiếp cận thông tin về TTHC trong các văn bản pháp luật

Việc bảo đảm quyền TCTT về TTHC của công dân được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) khác nhau như các văn bản luật chuyên ngành như Luật tiếp cận thông tin, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007 và 212), Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009...và các văn bản dưới luật quy định về thủ tục thực hiện quyền. Quyền TCTT được đề cập đến bao gồm: Quyền tự do tìm kiếm, trao đổi thông tin; quyền yêu cầu cung cấp thông tin, quyền phổ biến thông tin và việc bảo đảm quyền được thông tin của công dân thông qua quy định trách nhiệm công khai của cơ quan có thẩm quyền.

Luật Việt Nam quy định về các nội dung quyền được thông tin như trên cũng như những giới hạn của quyền. Các văn bản pháp luật đã khẳng định quyền được thông tin của công dân thông qua quy định về trách nhiệm công khai của cơ quan nắm giữ, lưu trữ thông tin. Trên cơ sở pháp luật về quyền TCTT, các thiết chế trong Bộ máy Nhà nước phải có trách nhiệm bảo đảm quyền TCTT của con người như một trong những quyền cơ bản.

Pháp luật cũng như cơ chế bảo đảm quyền TCTT phải được xây dựng và vận hành tương thích với các cam kết quốc tế liên quan đến bảo đảm quyền TCTT mà Việt Nam là thành viên .

1.4.2.3. Giới hạn quyền tiếp cận thông tin trong các văn bản Luật

Lần đầu tiên giới hạn của các quyền được quy định thành nguyên tắc trong Điều 14 Hiến pháp sửa đổi: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Như vậy, không ai được tùy tiện cắt xén, hạn chế các quyền, ngoại trừ các trường hợp cần thiết nói trên do Luật định.

Bên cạnh đó, giới hạn quyền TCTT được quy định rải rác trong một số văn bản luật với phạm vi khá rộng các giới hạn. Trước tiên, các văn bản QPPL có nội dung liên quan đến công khai thông tin đều xác định nguyên tắc chung là phải bảo vệ bảo mật nhà nước. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2017 quy định ba cấp độ thông tin không được tiết lộ là: Tuyệt mật, tối mật, mật và liệt kê phạm vi bí mật nhà nước theo từng cấp độ đó. Các cơ quan có thẩm quyền được lập thành các danh mục và phân cấp độ tối mật, tuyệt mật hoặc mật và có thể được công bố hoặc không công bố theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 11 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2012 quy định các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ. Luật Bảo vệ môi trường 2014 cũng quy định công khai thông tin, dữ liệu về môi trường, trừ các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước. Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền bí mật đời tư của cá nhân được tôn trọng và pháp luật bảo vệ.

Điều 5 Quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí ban hành kèm theo Quyết định số 25/2013/QĐ-TTg năm 2013 ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Quy chế người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí) cho phép người phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp: Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng;

những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn; các vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan điều tra có yêu cầu cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội.

Kết luận Chương 1

Quyền TCTT về TTHC là một trong những quyền cơ bản thuộc nhóm các quyền cơ bản của con người, của công dân. Nó được dùng để chỉ quyền của cá nhân, của công dân được biết thông tin về TTHC theo các cách thức trực tiếp lẫn gián tiếp, để bảo vệ và thực hiện các quyền năng khác đã được pháp luật ghi nhận. Chương 1 đã phân tích cơ sở lý luận về quyền TCTT về TTHC bao gồm khái niệm, vai trò, nội dung, đặc điểm, khung pháp luật về TTHC. TCTT hiện đã trở thành một nhu cầu và một quyền cấp thiết cần phải bảo đảm của cá nhân, bởi thông tin, đặc biệt là thông tin về pháp luật, chính sách và hoạt động của các cơ quan nhà nước được xem là yếu tố cốt yếu trong mọi hoạt động khi mà xã hội được quản lý và vận hành theo những nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền. Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã rất chú trọng đến TTHC. Điều này được thể hiện trong chủ trương, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, việc bảo đảm quyền TCTT về TTHC vẫn còn khó khăn. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, vấn đề bảo vệ quyền TCTT về TTHC không chỉ là vấn đề nội bộ của một quốc gia. Vì vậy cần có cơ chế pháp lý hữu hiệu, đầy đủ để người dân thực hiện quyền của mình.

Tuy nhiên, từ lý luận đến thực tiễn có thể còn nhiều bất cập, vậy nên thực trạng thực hiện quyền TCTT về TTHC ở Việt Nam cần được tiếp tục nghiên cứu tại Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1. Những điều kiện ảnh hưởng đến quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

2.1.1. Nhu cầu tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

Quyền yêu cầu cung cấp thông tin về TTHC chỉ được thực thi hiệu quả khi cá nhân, tổ chức chủ động sử dụng quyền này đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, đòi hỏi chủ thể có quyền phải nhận thức đầy đủ về quyền của mình. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật nước ta chưa có quy định nào giải thích khái niệm quyền TCTT, chưa có một công trình nghiên cứu điều tra tổng thể về nhận thức của người dân, cơ quan, tổ chức về quyền này. “Cả người dân lẫn cán bộ công chức đều chưa nhận thức đầy đủ về quyền được thông tin và việc bảo đảm quyền được thông tin” [8.tr.57]. Người dân đặc biệt quan tâm tới các vấn đề liên quan trực tiếp tới đời sống của họ và người thân như vấn đề giáo dục, chăm sóc sức khỏe, ô nhiễm môi trường, chất lượng dịch vụ, công ăn việc làm, thu nhập...

Thực trạng ô nhiễm môi trường vùng ven biển Quảng Bình, dọc theo bờ biển, hàng vạn người dân sinh sống với nghề chính là khai thác và chế biến thủy sản. Nhiều làng biển ở Quảng Bình đang đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường do rác và nước thải từ các cơ sở chế biến thủy sản gây nên. gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống sức khỏe của người dân ở đây đã và đang là những vấn đề được dự luận quan tâm, bức xúc. Vấn đề bồi thường cho người dân, xử lý vi phạm và biện pháp ngăn chặn các vi phạm tiếp theo, cũng được người dân đặc biệt quan tâm.

Để thực hiện tốt thông tin về TTHC, cần tuyên truyền, phổ biến để người dân nhận thức đầy đủ, từ đó hiểu rõ ý nghĩa của nó đối với quá trình phát triển

kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng tính trách nhiệm giải trình, tính công khai, tính minh bạch trong hoạt động nhà nước, giảm thiểu hiện tượng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng trong bộ máy công quyền, tạo sự gắn bó chặt chẽ trong mối quan hệ giữa người dân với nhà nước, tạo tiền đề thúc đẩy thực hiện các quyền khác của công dân. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó cần phải nâng cao nhận thức về văn hóa pháp luật cho người dân. Kết quả khảo sát của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại 45 doanh nghiệp ở 13 tỉnh, thành phố cho thấy: Trong số công nhân lao động được khảo sát, có 60% không xem tivi, nghe đài, 85 % không đọc sách báo, 65% không tham gia các hoạt động tuyên truyền và văn hoá thể thao.

Như vậy, một trong những nguyên tắc của TTHC cần bảo đảm là xây dựng Chính phủ mở, nâng cao trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền và xây dựng văn hoá pháp luật cũng như nâng cao trình độ nhận thức nói chung cho nhân dân.

2.1.2. Điều kiện đặc thù của tỉnh Quảng Bình tác động đến việc thực hiện quyền TCTT về TTHC

Điều kiện tự nhiên: Là địa phương nằm ở Bắc Trung Bộ, Quảng Bình cách Hà Nội khoảng 500km, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng hơn 1200km, cách xa 2 trung tâm văn hóa – chính trị lớn nhất cả nước là một điểm bất lợi cho phát triển kinh tế xã hội của Quảng Bình. Tỉnh có đường bờ biển dài 116,04 km từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ với vùng đặc quyền lãnh hải khoảng 20.000 km². Bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp, vùng biển có một số ngư trường có nhiều loại hải sản quý hiếm như tôm hùm, mực, hải sâm ... cho phép Quảng Bình phát huy thế mạnh của biển để phát triển kinh tế tổng hợp biển.

Bên cạnh những lợi thế đó thì do tỷ lệ dân số phân bố không đồng đều trong đó 80,42% sống ở vùng nông thôn và 19,58% sống ở thành thị và lao động dẫn đến việc tiếp cận cũng như việc nhận thức để bảo đảm thực hiện các quyền TCTT về TTHC.

Theo Niên giám thống kê 2014, dân số tỉnh Quảng Bình là 868.174 người, chiếm 2,45% về diện tích và 1,02% dân số cả nước, bao gồm 8 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó nam có 434.512 người chiếm 50,048% và nữ là 433.662 người chiếm 49,052%. Tổng dân số đô thị là 169.532 người (19,5%) và tổng dân cư nông thôn là 698.642 người (80,5%). Quảng Bình có nguồn lao động dồi dào với 530.064 người, chiếm khoảng 60,72% dân số. Trong đó tỷ lệ lao động nam/ nữ lần lượt là 265.206/264.858 người. Về chất lượng lao động cho đến năm 2013 thì tỷ lệ người biết chữ chiếm 90% hơn 25.000 người có trình độ đại học, cao đẳng, hơn 600 thạc sĩ, gần 50 phó giáo sư và tiến sĩ. Lực lượng lao động đã qua đào tạo gần 105.000 người, chiếm 25% số lao động. Tuy nhiên dân cư Quảng Bình phân bố không đều, vùng cao và vùng núi dân cư rất thưa thớt, trong khi đó ở thành thị và đồng bằng dân cư lại dày đặc. Mật độ dân số thấp nhất là huyện Quảng Ninh 75 người/km², cao nhất là thành phố Đồng Hới với mật độ 743 người/km². Trên toàn tỉnh có 9 dân tộc sinh sống đan xen với nhau. Quảng Bình là một trong những địa phương giàu truyền thống văn hóa và có một tinh thần hiếu học cao trong cả nước. Tuy nhiên, do điều kiện còn nhiều hạn chế nên hiện nay, tỉnh mới chỉ có 01 trường đại học (Đại học Quảng Bình), sinh viên Quảng Bình chủ yếu học tại các trường đại học ngoài Quảng Bình như Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh. Đây là một hạn chế cho việc phát triển dân trí và nhận thức bởi lẽ, đội ngũ trí thức này học tập tại các thành phố lớn thường sẽ có xu hướng cố bám trụ lại những thành phố này dẫn đến hiện tượng “chảy chất xám” và thiếu nhân lực để phát triển kinh tế địa phương.

Nhìn chung, bên cạnh các điều kiện là rừng vàng, biển bạc mà tự nhiên ban cho, thì Quảng Bình là một tỉnh thuộc Vùng Bắc Trung bộ được coi là nghèo và chậm phát triển so với các tỉnh bạn. Với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội như địa hình rộng phức tạp, thành phần dân cư đa dạng, nhiều dân tộc thiểu số, sự phát triển không đồng đều về văn hóa, kinh tế... giữa các miền,

vùng cho nên người dân Quảng Bình cũng đối diện với nhiều khó khăn trong thực hiện tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại, nhận diện các quyền con người của mình, đặc biệt là quyền được TCTT về TTHC vẫn còn một số hạn chế nhất định.

2.2. Thực trạng thực hiện quyền tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

Nhìn chung các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đều chưa nhận thức đầy đủ về quyền TCTT về TTHC. Vì vậy, việc thực hiện quyền không được phát huy hiệu quả trên thực tế, chủ thể được quyền chưa sử dụng hết quyền năng của mình để TCTT mặc dù có nhu cầu TCTT về TTHC. Bên cạnh đó, do nhóm đối tượng có nghĩa vụ đảm bảo thực hiện chưa thật sự nhận thức đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình nên việc thực hiện quyền này gặp nhiều hạn chế. Đó là chưa nói đến việc “sở hữu” thông tin nhằm mục đích trực lợi cá nhân, điều này dẫn đến tình trạng người dân chưa thật sự mặn mà với quyền này và trong nhiều trường hợp do nhu cầu bức thiết người dân mới thực hiện quyền yêu cầu. Thực trạng “chỉ có 49,1% người dân đã từng có yêu cầu cung cấp thông tin. Về tần suất yêu cầu cung cấp thông tin, chỉ có đối tượng là nhà báo do yêu cầu công việc phải thường xuyên tìm kiếm thông tin (73,8% nhà báo thường xuyên yêu cầu cung cấp thông tin), còn lại người dân và doanh nghiệp thỉnh thoảng mới có yêu cầu cung cấp thông tin” [10.tr.65].

Ở tỉnh Quảng Bình, tùy theo nhu cầu mà các cá nhân đã đến các cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu cung cấp hoặc tìm kiếm thông tin bằng những phương thức khác nhau như Internet, phương pháp tuyên truyền qua đội ngũ Báo cáo viên cấp tỉnh, hệ thống phát thanh tại thôn, bản, ấp... qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua sách báo, tạp chí...

Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường nhận được yêu cầu cung cấp nhiều nhất đó là thông tin liên quan đến đất đai. Năm 2014 đã tiếp nhận và giới thiệu 66 địa điểm công trình; giao đất 42 công trình;

cho thuê 140 công trình [4.Tr.5.]; Năm 2015 đã tiếp nhận và giới thiệu 66 địa điểm công trình; giao đất 43 công trình; cho thuê 70 công trình [5.Tr.4.5.]; Năm 2016 đã tiếp nhận và giới thiệu 66 địa điểm công trình; giao đất 67 công trình; cho thuê 105 công trình [6.Tr.5.]. Khi được cung cấp thông tin người yêu cầu phải thanh toán một khoản lệ phí theo quy định. Trong lĩnh vực môi trường, việc yêu cầu cung cấp thông tin hầu như rất ít, và đối tượng yêu cầu cung cấp chủ yếu là các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và sinh viên. Trong những năm trở lại đây, bình quân mỗi năm Sở Tài nguyên và môi trường đã cung cấp cho khoảng 15 lượt sinh viên yêu cầu cung cấp thông tin về môi trường nhằm mục đích học tập, nghiên cứu. Trong hoạt động đền bù, hỗ trợ, tái định cư đa số yêu cầu cung cấp thông tin chủ yếu đề nghị cung cấp các văn bản quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền về việc đền bù, hỗ trợ, tái định cư...

Trong lĩnh vực xây dựng, số lượt công dân đến yêu cầu cung cấp thông tin tăng dần qua các năm. Các yêu cầu cung cấp thông tin chủ yếu yêu cầu cung cấp chỉ giới quy hoạch và đối tượng yêu cầu chủ yếu là các doanh nghiệp, thông tin yêu cầu cung cấp nhằm phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng của doanh nghiệp. Đối với các địa phương, địa phương nhận được yêu cầu cung cấp thông tin nhiều nhất là ở thành phố Đồng Hới, và thông tin yêu cầu cung cấp chủ yếu liên quan đến hoạt động cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ gia đình. Năm 2014 có 1.354 trường hợp, năm 2015 có 1.767 trường hợp và năm 2016 có 1.906 trường hợp. Còn các địa phương khác yêu cầu cung cấp thông tin rất ít, mỗi năm chỉ có vài trường hợp người dân đến yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng, chỉ giới xây dựng và các yêu cầu này đều được đáp ứng đầy đủ. Lý do yêu cầu cung cấp thông tin trong lĩnh vực xây dựng giảm đi do xuất phát các quy hoạch xây dựng của tỉnh, các quy hoạch đô thị... đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của tỉnh, ngành, và niêm yết công khai tại trụ sở UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn... Điều này đã tạo điều kiện cho người dân dễ tiếp cận các thông tin liên quan đến quy hoạch

vùng tỉnh, quy hoạch chi tiết đô thị... Trường hợp, nếu có nhu cầu công dân có thể tìm hiểu thông tin thông qua việc yêu cầu UBND các cấp cung cấp một cách dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng (cho phép công dân được tiếp cận tất cả các quy hoạch xây dựng và đồ án quy hoạch).

Trong lĩnh vực giao thông cũng nhận được rất nhiều các yêu cầu cung cấp thông tin của người dân. Khi được yêu cầu, Sở Giao thông đã đáp ứng đầy đủ, và hầu hết các yêu cầu chỉ liên quan đến việc cung cấp các văn bản liên quan đến quy hoạch giao thông, đền bù tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, cấp và cấp đổi giấy phép lái xe.... Từ ngày 01/01/2014 – 31/12/2016 có 141.868 số người đến yêu cầu cung cấp thông tin về các TTHC liên quan đến việc cấp và cấp đổi giấy phép lái xe và có 147.369 lượt người truy cập trang web để tìm hiểu các thông tin về TTHC trong lĩnh vực thuộc sở quản lý.

Trong lĩnh vực tư pháp, trong những năm trở lại đây, việc cung cấp thông tin về lý lịch tư pháp theo yêu cầu cá nhân mỗi năm đối lớn, có năm đến 7268 lượt yêu cầu cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. Từ năm 2014 đến nay số liệu yêu cầu cung cấp thông tin như sau: Năm 2014 là 4580 lượt người [1], 2015 là 3696 lượt người [2] và năm 2016 là 7268 lượt người [3.]. Đối với yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất mà chủ yếu là thông tin về các lô đất được đưa ra đấu giá, con số yêu cầu tăng dần trong những năm trở lại đây. Năm 2014 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài thuộc Sở đã tiếp nhận 455 lượt yêu cầu; năm 2015 là 2411 lượt yêu cầu và năm 2016 là 3035 lượt yêu cầu. Riêng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình số lượt người đến tìm hiểu cũng như yêu cầu cung cấp các TTHC để giải quyết các thủ tục liên quan đến các hợp đồng, giao dịch ngày một tăng. Năm 2014 đã giải quyết được 4.406 việc làm công chứng, Năm 2015 đã giải quyết được 5.606 việc làm công chứng, Năm 2016 đã giải quyết được 5.145.406 việc làm công chứng.

Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan này đã thực hiện cung cấp đầy đủ các quyết định, bản án theo đúng quy định của pháp luật cho các cá nhân có liên quan. Trong các lĩnh vực khác, cơ quan chức năng ít nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, và khi nhận được đó chỉ là các yêu cầu cung cấp văn bản pháp luật. Tuy nhiên việc khai thác văn bản QPPL do tỉnh ban hành tương đối thuận tiện trên trang thông tin điện tử của tỉnh, trên Công báo tỉnh nên nhu cầu này ngày càng ít đi.

Kết quả trên cho thấy số lượt yêu cầu cung cấp thông tin khá khiêm tốn so với số lượng trên 850.000 cư dân trên địa bàn tỉnh. Trong lĩnh vực môi trường, đất đai, xây dựng là những lĩnh vực thường xuyên nhận được sự quan tâm của người dân nhưng trong lĩnh vực đất đai năm cao nhất cũng chỉ có 255 lượt người đến yêu cầu cung cấp thông tin, còn việc cấp phiếu lý lịch tư pháp nhằm mục đích học tập, lao động, công tác của cá nhân/công dân nên số lượt yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp ngày càng nhiều.

Thứ hai, thông tin về các TTHC đã được các cơ quan nhà nước cung cấp chưa kịp thời và đầy đủ: Hiện nay các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đã đi vào hoạt động, nhiều thông tin đã được công khai nhưng không phải tất cả các hoạt động quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, các kết quả thực hiện của cơ quan nhà nước đều được đăng tải và cũng không phải tất cả các chuyên mục đều được cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin phát sinh trong quá trình hoạt động.

Thứ ba, tồn tại bất cập trong pháp luật về quyền được thông tin. Rà soát các quy định của pháp luật, quy định về công khai thông tin được nằm rải rác trong các văn bản khác nhau như Luật Đất đai, Luật bảo vệ môi trường, Luật Phòng, chống tham nhũng... Tuy nhiên các văn bản này chưa quy định về thủ tục thực hiện quyền, trách nhiệm cung cấp thông tin cũng như hình thức yêu cầu tiếp nhận, hình thức cung cấp thông tin và thời hạn thực hiện. Tình trạng tuân thủ pháp luật chưa nghiêm, thiếu quy định về mặt thủ tục dẫn

đến khó thực hiện, đây chính là kẻ hở phát sinh hành vi xâm phạm quyền của người dân và tạo cơ hội cho một số cá nhân trục lợi khi nắm giữ các thông tin có giá trị. Bên cạnh đó, những quy định về giới hạn quyền đã ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện quyền TCTT về TTHC của công dân.

Thứ tư, là sự hạn chế trong nhận thức của chủ thể thực hiện quyền và chủ thể thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin. Trên thực tế, trong nhiều trường hợp, cán bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin đã không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm quyền TCTT về TTHC. Tuy nhiên, pháp luật chưa có chế tài xử lý đối với các hành vi này. Điều này đã gây ra rào cản không nhỏ đến việc thực hiện quyền TCTT về TTHC và tạo kẻ hở để một số đối tượng lợi dụng trục lợi. Nguyên nhân nữa là nhu cầu cung cấp thông tin của công dân rộng hơn các thông tin nhà nước phải cung cấp theo quy định của pháp luật, các thông tin cung cấp chưa kịp thời, hình thức cung cấp thông tin chưa thống nhất, tính hình thức trong việc cung cấp thông tin, quy định về yêu cầu cung cấp thông tin còn phức tạp...

Thứ năm, việc quản lý thông tin tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình còn phân tán, chưa tập trung, thống nhất. Hiện nay, việc lưu giữ thông tin được thực hiện cả bằng bản giấy và file điện tử trên máy tính cá nhân, một số loại thông tin được quản lý bằng cơ sở dữ liệu như các thông tin về giá đất, văn bản QPPL, bộ TTHC... Việc quản lý thông tin trên máy tính cá nhân chủ yếu phục vụ công việc nội bộ của từng cơ quan, chứ chưa nhằm mục đích cung cấp thông tin. Vì vậy, thông tin tài liệu chủ yếu do từng cán bộ phụ trách quản lý, riêng đối với tài liệu là công văn đi, đến, văn bản chỉ đạo, điều hành được giao cho cán bộ văn thư lưu trữ quản lý. Dẫn đến việc tìm kiếm thông tin để thực hiện hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của công chức thuộc các đơn vị trong cơ quan, giữa các phòng ban đã khó chứ chưa nói đến việc cung cấp thông tin hay công khai theo yêu cầu của người dân.

Từ những vướng mắc trên đòi hỏi cần khẩn trương hoàn thiện cơ sở pháp lý, cơ chế thực hiện và cơ chế bảo đảm quyền TCTT về TTHC của công dân, qua đó phát huy vai trò của công dân vào sự nghiệp xây dựng nhà nước “của dân, do dân và vì dân”.

2.3. Thực trạng thực hiện quyền được yêu cầu cung cấp thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

Để tiếp tục đẩy mạnh cải cách trong tổ chức thực hiện thủ tục hành chính nhằm phục vụ tốt nhất cho các cá nhân, của công dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thì điều kiện tiên quyết là phải thực hiện có chất lượng, hiệu quả việc công bố, công khai, minh bạch quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức được phân công thực hiện thủ tục hành chính. Giải pháp này cần được tiếp tục hoàn thiện cả về mặt thể chế quản lý cũng như trong thực tiễn triển khai thực hiện, gắn với quy định các chế tài pháp lý đủ mạnh để thực sự trở thành một giải pháp trung tâm, gắn kết và tạo tiền đề cho việc triển khai đồng bộ các giải pháp cải cách khác trong thực hiện thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, cần thực hiện một số yêu cầu như sau:

- Trước hết, cần chuẩn hóa nội dung công bố các thủ tục hành chính. Để thực hiện được yêu cầu này, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về công bố thủ tục hành chính: *Một là*, cần bổ sung các quy định, hướng dẫn về phương pháp, cách thức thống kê, cập nhật thông tin về thủ tục hành chính để công bố; đảm bảo sự thống nhất giữa Trung ương với địa phương và giữa các ngành, lĩnh vực khác nhau. Mẫu quyết định công bố thủ tục hành chính theo thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, các cấp chính quyền hiện nay cũng cần được sửa đổi để đáp ứng yêu cầu hệ thống và tổ chức công khai theo từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết thủ tục hành chính khác nhau, nhất

là đối với các thủ tục liên thông hoặc thủ tục có nhiều cơ quan, nhiều cấp cùng có thẩm quyền giải quyết. *Hai là*, cần xây dựng cơ chế pháp lý để xác định và thực hiện trách nhiệm phát hiện, phản hồi và xử lý thủ tục hành chính chưa công bố "đầy đủ, chính xác, kịp thời" giữa các cơ quan hành chính nhà nước; đảm bảo nội dung công bố thủ tục hành chính thường xuyên được tiến hành kiểm tra, chuẩn hóa, thường xuyên được hệ thống và gửi kịp thời đến các cơ quan trực tiếp tham gia giải quyết thủ tục hành chính, thực sự trở thành tài liệu chính thống để công khai, hướng dẫn và kiểm soát quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Về công khai thủ tục hành chính, cần nghiên cứu đánh giá lại hiệu quả, tính hợp lý của việc đăng tải công khai trên môi trường mạng điện tử hiện nay. Đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, cần cải tiến, nâng cấp theo hướng đảm bảo hai tiêu chí sau: *Một là*, xác định đây là công cụ để đăng tải kịp thời, rộng rãi nội dung thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền công bố; không phải là công cụ kiểm soát, cho phép đăng tải nội dung thủ tục hành chính như hiện nay. Việc hỗ trợ cho cơ quan có thẩm quyền công bố kiểm soát nội dung công bố thủ tục hành chính trên phần mềm này cần được thiết kế để thực hiện theo hình thức hậu kiểm (cụ thể như thủ tục hành chính sau khi được đăng tải sẽ thể hiện sự khác biệt giữa nội dung công bố của cơ quan Trung ương với cơ quan địa phương...). *Hai là*, thủ tục hành chính được đăng tải phải bảo đảm dễ dàng, tiện lợi cho việc tìm kiếm, tra cứu theo nhiều tiêu thức khác nhau, như vừa đáp ứng yêu cầu tìm kiếm theo tên gọi, lĩnh vực công bố, vừa phải đáp ứng yêu cầu tìm kiếm theo từng cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khác nhau. Có như vậy mới tạo thuận lợi cho việc kết nối với trang thông tin điện tử của các cơ quan tham gia giải quyết thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của

người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với từng cơ quan, đơn vị.

Đối với trang thông tin điện tử địa phương, bên cạnh yêu cầu công khai thủ tục hành chính đáp ứng theo hai tiêu chí trên, cũng cần xây dựng các quy chuẩn để công khai trên môi trường mạng các thông tin pháp lý khác có liên quan đến nhu cầu hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp, như các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án... thuộc phạm vi quản lý ngành, địa phương, để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu.

- Trong tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật về kiểm soát quá trình giải quyết thủ tục hành chính để tăng cường sự minh bạch, gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan thực hiện. Cần hệ thống, tổng hợp, bổ sung thêm một số quy định cải cách vào Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và các văn bản có liên quan đến cải cách thủ tục hành chính; bổ sung nội dung về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg; đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả tại một đầu mối để áp dụng cho tất cả các thủ tục hành chính, kể cả trường hợp thực hiện hoặc chưa thực hiện bộ phận một cửa; bổ sung thêm các quy định để kiểm soát trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức; các quy định về tổ chức thực hiện các kênh trao đổi thông tin giữa cơ quan thực hiện thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp...

Đối với trách nhiệm giải trình, hướng dẫn của cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, hiện nay được thực hiện theo nhiều quy định pháp luật chuyên ngành khác nhau. Cụ thể như: Trách nhiệm giải trình, giải thích, làm rõ các thông tin về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao khi được cá nhân, tổ chức yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013

của Chính phủ Quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của công dân theo quy định tại Luật Tiếp công dân; trách nhiệm hướng dẫn, giải thích theo các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện thủ tục hành chính... Ngoài ra, để tăng cường sự minh bạch, cơ quan thực hiện thủ tục hành chính cũng cần có trách nhiệm giải trình, giải thích việc thực thi pháp luật một cách rõ ràng, cụ thể bằng văn bản khi đối tượng thực hiện thủ tục hành chính chưa hiểu rõ hoặc không thực hiện đúng quy định hoặc có quyền được biết thông tin, ví dụ như nêu rõ lý do bằng văn bản khi yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, từ chối giải quyết hoặc giải quyết hồ sơ chậm trễ... Các quy định trên cần được hệ thống lại để bổ sung vào Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có quy định về các nội dung cải cách thủ tục hành chính.

Để tăng cường sự minh bạch trong cải cách thủ tục hành chính, cũng cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để thực hiện các kênh trao đổi thông tin giữa cơ quan thực hiện thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp, như quy định về việc tổ chức đối thoại trực tiếp, về trao đổi thông tin thông qua môi trường mạng điện tử... Trong đó, việc đăng tải các kênh trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp trên các trang thông tin điện tử cần được xây dựng thành các quy trình, quy chuẩn để thực hiện thống nhất, củng cố niềm tin cho người dân, doanh nghiệp. Phân định rõ giữa việc đăng tải chuyên mục hướng dẫn, giải đáp, xử lý các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ

của cơ quan thực hiện thủ tục hành chính được pháp luật quy định với việc đăng tải chuyên mục tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi trực tiếp cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Việc đăng tải các kênh trao đổi thông tin nêu trên phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp, không chỉ giao cho đơn vị cấp dưới trực thuộc hoặc bộ phận tin học tự xử lý, thực hiện.

Về quyền đóng góp ý kiến của nhân dân trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật tại tỉnh Quảng Bình. Các dự án, dự thảo văn bản QPPL đã được đăng tải toàn văn kèm theo hồ sơ đề án trên trang tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo, đặc biệt là trang tin điện tử của UBND tỉnh. Kèm theo đó, định hướng thảo luận trong quá trình hoạch định chính sách cũng được đăng tải và các hình thức lấy ý kiến khác cũng được áp dụng một cách linh hoạt như tổ chức hội thảo, họp lấy ý kiến.

Những chính sách tác động tới toàn xã hội đã được thông tin từ rất sớm để nhân dân góp ý kiến, ngay từ khi ý tưởng chính sách đang được hình thành như chủ trương giảm số môn thi tốt nghiệp phổ thông trung học, bỏ kỳ thi đại học...

Đáng chú ý là sự tham gia của các tổ chức, hội vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật. Các cá nhân đóng góp trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức, hội dưới các hình thức đa dạng đã góp ý với tư cách người phản biện đối với chính sách của Nhà nước. Những ý kiến góp ý của tổ chức, hội, cá nhân, nhà khoa học là nguồn thông tin để cơ quan nhà nước điều chỉnh chính sách ngay từ giai đoạn dự thảo.

Tuy nhiên, việc TCTT về TTHC tạo điều kiện cho sự tham gia của nhân dân vào quy trình hoạch định chính sách còn hạn chế. Trước hết, từ phía

cơ quan nhà nước, việc cung cấp thông tin còn thiếu đầy đủ và thiếu khách quan, toàn diện. Tình trạng một số dự thảo chưa được đăng tải để lấy ý kiến dẫn đến sự tham gia của người dân thiếu cơ sở. Phía người dân vẫn chưa mặn mà trong việc tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách nên các số lượng ý kiến đóng góp không nhiều, đó là chưa nói đến chất lượng và nội dung ý kiến tham gia.

TCTT về TTHC trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và quy hoạch phát triển ngành: Việc TCTT về TTHC tại nhiều địa phương tương đối dễ dàng nhưng vẫn còn tình trạng nhiều người dân không được TCTT về các TTHC mà mình quan tâm nên không thể phản ánh nguyện vọng, tâm tư và phản biện những vấn đề liên quan mật thiết đến nơi ở và môi trường sống của mình. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp phát sinh trong cụm dân cư, làng xã với chính quyền và với các hộ liền kề với nhau.

Về công bố các TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Bình:

Trong thời gian qua UBND tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên tổ chức cập nhật kịp thời các TTHC đã được các Bộ, ngành công bố chuẩn hóa để trình UBND tỉnh công bố mới hoặc công bố sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đảm bảo chuẩn hóa 100% các TTHC được UBND tỉnh công bố với các TTHC được các Bộ, ngành công bố.

Đối với các TTHC đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được các Bộ, ngành công bố, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành chủ động cập nhật từ văn bản QPPL mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để kịp thời trình UBND tỉnh công bố, đáp ứng yêu cầu cập nhật kịp thời các TTHC phù hợp với các văn bản QPPL có hiệu lực thi hành để phục vụ nhu cầu tra cứu của cá nhân, tổ chức.

Năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành 74 Quyết định công bố 861 TTHC, trong đó có 558 TTHC được công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và 303 TTHC được công bố bãi bỏ. Việc thống kê, soạn thảo nội dung công bố TTHC của các sở, ban, ngành có tiến bộ về mặt thời gian và chất lượng. Bên cạnh đó, các sở, ban, ngành đã tích cực phối hợp để tham gia góp ý đối với nội dung các Quyết định công bố chuẩn hóa TTHC của các Bộ, ngành; kịp thời kiến nghị các Bộ, ngành và Cục Kiểm soát TTHC công bố sửa đổi, bổ sung nội dung các TTHC chưa được thống kê "chính xác, đầy đủ" theo quy định tại các văn bản QPPL đang có hiệu lực thi hành .

Tuy nhiên, vẫn còn một số sở, ban, ngành trong tình hình công bố TTHC chậm thời gian so với Trung ương công bố và hiệu lực thi hành của các văn bản QPPL.

Về công khai và quản lý, nhập dữ liệu TTHC trên website

Ngay sau khi các TTHC được công bố, UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp cập nhật kịp thời lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; giao Văn phòng UBND tỉnh đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm ýt công khai theo đúng quy định. Tính đến nay, tổng số TTHC đang có hiệu lực thi hành được UBND tỉnh công bố, công khai là 1.811 thủ tục.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện thiết lập trên Trang thông tin điện tử chuyên mục đăng tải công khai các Quy hoạch, Kế hoạch, Chính sách và tài liệu pháp lý khác của HĐND, UBND tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý .

Nhìn chung công tác công khai TTHC tại tỉnh Quảng Bình được triển khai khá nghiêm túc, đúng quy định. Nhiều đơn vị, địa phương đã áp dụng nhiều hình thức công khai TTHC phù hợp, 100% các sở, ban, ngành chuyên môn, UBND cấp huyện đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh để đăng tải các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của

đơn vị, địa phương, 100% các cơ quan, đơn vị địa phương đã tổ chức niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết dưới 02 hình thức bắt buộc: Trên bảng niêm yết đặt tại trụ sở làm việc và đóng thành Bộ TTHC theo từng lĩnh vực đặt tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, trong quá trình thực thi nhiệm vụ, phần lớn cán bộ thuộc các cơ quan chức năng không xác định cụ thể các nhu cầu của cá nhân đối với thông tin mà mình đang nắm giữ. Cán bộ nắm bắt nhu cầu đối với thông tin nhà nước đang nắm giữ qua hai nguồn cơ bản đó là: Từ theo dõi thông tin mà nhà nước đã công khai để xác định cá nhân thường tìm hiểu những thông tin nào nhất, thông tin công như thế nào thì phù hợp với trình độ dân trí, sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương; và từ việc theo dõi yêu cầu cung cấp thông tin của các đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, hiện nay chưa có một cuộc điều tra tổng thể nào về nhu cầu thông tin của cá nhân một cách bài bản và đầy đủ để đáp ứng yêu cầu của người dân.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thường xuyên tổ chức cập nhật kịp thời các TTHC đã được các Bộ, ngành công bố chuẩn hóa để trình UBND tỉnh công bố mới hoặc công bố sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đảm bảo chuẩn hóa 100% các TTHC được UBND tỉnh công bố với các TTHC được các Bộ, ngành công bố.

Đối với các TTHC đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa được các Bộ, ngành công bố, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành chủ động cập nhật từ văn bản QPPL mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ để kịp thời trình UBND tỉnh công bố, đáp ứng yêu cầu cập nhật kịp thời các TTHC phù hợp với các văn bản QPPL có hiệu lực thi hành để phục vụ nhu cầu tra cứu của cá nhân, tổ chức.

Đánh giá chung thực trạng bảo đảm quyền TCTT về TTHC trong các cơ quan nhà nước tại Quảng Bình như sau:

Trong quá trình hoạt động, cơ quan nhà nước thường có hai loại thông tin: Thông tin do mình tạo ra và thông tin nhận được từ cơ quan khác trong phối hợp hoạt động. Vấn đề này hiện chưa được quy định trong các văn bản QPPL của nước ta. Hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau trong việc công khai thông tin đó là công khai cả hai luồng thông tin hay chỉ công khai thông tin do cơ quan mình tạo ra.

Loại thông tin được công khai: Trách nhiệm công khai, minh bạch đã được quy định trong nhiều văn bản QPPL của Việt Nam. Ở cấp độ chung, Luật Phòng, chống tham nhũng và một số văn bản pháp luật có nhiều điều khoản quy định về việc công khai các hoạt động của cơ quan nhà nước trên từng lĩnh vực cụ thể. Luật Phòng, chống tham nhũng quy định trên 20 lĩnh vực phải công khai. Ở cấp độ cơ sở, Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 quy định những hoạt động cụ thể của chính quyền cấp cơ sở phải công khai cho nhân dân biết; đã quy định 11 loại công việc phải tổ chức để dân biết, dân bàn và dân quyết định...

Về hình thức và cách thức công khai thông tin: Tuy pháp luật đã quy định hình thức và nội dung công khai nhưng để đánh giá được tỷ lệ phần trăm loại thông tin đã thực hiện công khai trên tổng số loại thông tin buộc công khai thì tương đối khó và nội dung thực hiện công khai như thế nào đối với từng công việc thì khó có thể đánh giá được và hiện nay chưa có cuộc kiểm tra tổng thể toàn diện nào của cơ quan chức năng về vấn đề này, cũng như chế định xử lý đối với hành vi không thực hiện công khai nêu trên. Hình thức công khai chiếm ưu thế là các trang thông tin điện tử và niêm yết công khai, nội dung được công khai nhiều nhất đó là các TTHC nhưng nói đến thủ tục đó đã được sửa đổi, bổ sung kịp thời hay chưa thì khó trả lời. Các thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất khi chủ thể muốn TCTT về bản đồ quy hoạch chi tiết thì phải đến cơ quan có chức năng mới có thể tiếp cận được...

Ở cơ sở, hình thức công khai sử dụng phổ biến nhất là niêm yết thông tin tại trụ sở, bộ phận một cửa hoặc tại địa điểm thuận tiện trên địa bàn dân cư. Các thông tin được niêm yết đó là: Thông tin liên quan đến TTHC, kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã; thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng... Về thời gian công khai phần lớn các thông tin được niêm yết từ khi phải công khai cho đến khi có thay đổi. Thông tin về TTHC chiếm dung lượng nhiều nhất. Trong khi các thông tin khác ít thấy các cơ quan niêm yết để công khai thông tin theo quy định.

Ngoài ra, một số hình thức khác đang được sử dụng để chuyển tải thông tin về hoạt động của các cơ quan nhà nước tới công chúng như đăng Công báo, đăng báo, phát trên sóng phát thanh - truyền hình; tư vấn, trợ giúp pháp lý hoặc qua hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng thì cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin có quyền được nhận thông tin đã yêu cầu hoặc nhận văn bản trả lời về việc từ chối cung cấp thông tin; đồng thời có quyền khiếu nại về việc không cung cấp thông tin hoặc không thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định pháp luật, khiếu nại khi có căn cứ cho rằng việc cung cấp thông tin là chưa đầy đủ hoặc trái pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo cơ quan có thẩm quyền “ít nhận được các khiếu nại liên quan đến các lĩnh vực công khai và cung cấp thông tin” [8.tr.246]. Tại Quảng Bình, năm 2014 cơ quan chức năng nhận được: 1.431 lượt đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết được 344/361 vụ thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ 95,2% [28.tr.4-5]; năm 2015 nhận được 1.437 lượt đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết được 646/694 vụ thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ 93,1% [29.tr.5-6]; năm 2016 nhận được 1.126 lượt đơn khiếu nại, tố

cáo, đã giải quyết được 375/392 vụ thuộc thẩm quyền giải quyết đạt tỷ lệ 95,7% [30. tr.6]. Trong các khiếu nại, tố cáo trên không có khiếu nại nào liên quan đến việc công khai thông tin và cung cấp thông tin.

Ở tỉnh Quảng Bình “tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện việc niêm yết TTHC và đã niêm yết công khai hơn 2.200 TTHC đã được UBND tỉnh hoặc các Bộ, ngành công bố tại trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết” [35. tr.3].

Nhìn chung, các cơ quan nhà nước đã thực hiện công khai thông tin dưới nhiều hình thức khác nhau và đã lựa chọn tất cả các hình thức công khai. Cùng với việc quản lý thông tin theo phương thức truyền thống, thiếu khoa học, không đầy đủ dẫn đến không có đầy đủ thông tin để công khai hoặc cung cấp theo yêu cầu. Tình trạng cán bộ không chuyên trách thực hiện công khai thông tin khiến cho việc công khai thông tin chậm. Mặt khác, việc công khai thông tin đòi hỏi chủ thể thực hiện phải nhận thức đúng, đầy đủ và ý nghĩa của hoạt động này, từ đó thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm công khai thì mới có thể cơ bản đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu tìm kiếm thông tin của công dân. Các thông tin được công khai dù dưới hình thức nào cũng cần phải biên tập ngắn gọn. Ngoài nhân lực thực hiện phải có kinh phí thực hiện, hiện nay do xuất phát từ eo hẹp về kinh phí nên hình thức sử dụng phổ biến nhất đó là niêm yết và đăng tải trên trang/cổng thông tin điện tử.

Để khắc phục tình trạng này và phần nào đó kiểm tra được mức độ thực hiện công khai theo quy định của các cơ quan nhà nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở. Song việc triển khai đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của tất cả các cơ quan chức năng, việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân mới thực chất và người dân mới thật sự được tiếp cận hết tất cả những loại thông tin mà pháp luật buộc công khai để dân biết theo quy định. Cùng với các địa phương trong cả nước triển khai thực hiện Quyết

định số 09/2013/QĐ-TTg, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 1402/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án triển khai thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg.

Về thủ tục tiếp nhận và phí yêu cầu cung cấp thông tin: Các văn bản pháp luật hiện hành có rất ít quy định về thủ tục tiếp nhận và phí yêu cầu cung cấp thông tin. Ngoại trừ một số lĩnh vực như cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm, cung cấp thông tin tư liệu và bản đồ có quy định, còn các lĩnh vực khác pháp luật chưa quy định nên cán bộ thực hiện đã cung cấp thông tin theo những thủ tục khác nhau. Để có cơ sở cung cấp thông tin, cán bộ thực hiện đã yêu cầu người yêu cầu cung cấp thông tin làm đơn nêu rõ lý do và phải xuất trình giấy từ tùy thân để xác định danh tính... Tuy nhiên, thực tế hiện nay nhiều cơ quan có sổ theo dõi yêu cầu cung cấp thông tin, nhưng vẫn còn nhiều cơ quan không thực hiện tốt việc vào sổ theo dõi.

Về mức độ đáp ứng đối với các thông tin được cung cấp theo yêu cầu: Vẫn còn nhiều cán bộ thực hiện việc cung cấp thông tin cho người yêu cầu nhưng họ chưa thật sự quan tâm thông tin họ cung cấp có đáp ứng nhu cầu của cá nhân/công dân không. Mặt khác, nhiều cán bộ không biết thông tin mà mình cung cấp đáp ứng đến mức độ nào nhu cầu của người yêu cầu để khắc phục. Nhiều cơ quan không nắm bắt được chính xác mỗi năm cơ quan mình đã cung cấp bao nhiêu thông tin theo yêu cầu cũng như số liệu các trường hợp từ chối cung cấp thông tin. Tuy nhiên, về cơ bản tất cả các yêu cầu đều được đáp ứng song ở mức độ khác nhau, trường hợp nào từ chối thì cán bộ tiếp nhận trực tiếp trả lời hoặc báo cáo người có thẩm quyền trả lời và không thực hiện việc cung cấp thông tin.

2.4. Đánh giá cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước, hàng năm UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành các Kế hoạch hoạt động về TTHC để chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường thực hiện công tác cải cách TTHC theo quy định của pháp luật. Nhìn chung công tác quản lý nhà nước về TTHC trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Hoạt cải cách TTHC tại các cấp chính quyền đã dần đi vào nề nếp, đạt được những mục tiêu và kế hoạch theo lộ trình đề ra. Phương pháp thực hiện cải cách TTHC từng bước được xác định rõ hơn, cụ thể hơn và được áp dụng thống nhất, đồng bộ tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trách nhiệm công khai, minh bạch trong các TTHC của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua đã được ghi nhận một cách trực tiếp hoặc gián tiếp theo quy định của Luật phòng chống tham nhũng. Trong thời gian qua bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính địa phương đã công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật.

Cụ thể theo cấp độ cơ sở thực hiện Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 đã quy định những hoạt động cụ thể của chính quyền cấp cơ sở công khai cho công dân các nội dung. Bao gồm: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã; Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu

dân cư trên địa bàn cấp xã; Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân; Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp; Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.....

Ở góc độ cấp tỉnh cũng đã công khai các hoạt động của cơ quan, ban ngành trên từng lĩnh vực cụ thể, bao gồm: Công khai trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán; Công khai trong hoạt động tổ tụng; Công khai trong mua sắm công và xây dựng cơ bản; Công khai trong quản lý đầu tư xây dựng 4; Công khai trong công tác tổ chức - cán bộ; Công khai trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.....

Hình thức và cách thức công khai hoạt động của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thực hiện theo Luật Phòng, Chống tham nhũng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình theo một hoặc một số hình thức như: Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; Phát hành ấn phẩm; Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; Đưa lên trang thông tin điện tử; Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ở cấp độ cơ sở các hình thức công khai bao gồm: Niêm yết công khai tại trụ sở HĐND, UBND cấp xã; Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã; Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

Trên thực tế, ngoài các hình thức kể trên, tỉnh Quảng Bình còn có một số hình thức khác đang được sử dụng để chuyển tải thông tin về hoạt động của các cơ quan nhà nước tới công chúng, cụ thể là qua việc đăng trên Công báo; tư vấn, trợ giúp pháp lý; công tác dân vận; các sinh hoạt tập thể hoặc qua hoạt động tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền .

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện một số nhiệm vụ bảo đảm quyền TCTT về TTHC tại một số đơn vị, địa phương vẫn còn có nhiều tồn tại, khó khăn nhất định. Cụ thể như:

- Việc bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ đầu mối TTHC tại một số đơn vị, địa phương chưa đảm bảo kinh nghiệm và năng lực; bên cạnh đó do thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm nên chất lượng, hiệu quả tham mưu chưa cao. Thủ trưởng một số cơ quan hành chính nhà nước chưa trực tiếp chỉ đạo công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC .

- Việc công bố chuẩn hóa TTHC mặc dù thuận lợi hơn nhờ phương pháp soạn thảo trên cơ sở "sao y nội dung" quyết định công bố của Bộ, ngành, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do có nhiều TTHC các Bộ, ngành công bố chưa chính xác, đầy đủ thông tin hoặc chậm công bố chuẩn hóa. Bên cạnh đó một số TTHC trong giai đoạn soạn thảo chưa được kiểm tra, đối chiếu kỹ với hệ thống văn bản QPPL (kể cả của Trung ương và tỉnh ban hành) để bổ sung cho đầy đủ, chính xác. Vì vậy đã làm chậm tiến độ công bố TTHC.

- Các hình thức công bố TTHC của các sở, ban, ngành cho UBND và các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, giữa UBND cấp huyện gửi cho UBND cấp xã cũng còn có một số trường hợp chưa đầy đủ, kịp thời, dẫn đến

khó khăn trong việc hệ thống TTHC để theo dõi, đôn đốc việc công khai. Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc việc công khai các TTHC dưới 02 hình thức: Công khai trên Bảng niêm yết TTHC và đóng thành Sổ hướng dẫn đặt tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

- Trong việc ban hành TTHC, vẫn còn một số sở, ngành chưa chủ động thực hiện đồng thời việc đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC ngay trong giai đoạn soạn thảo văn bản QPPL mà chỉ thực hiện sau khi gửi lấy ý kiến, thẩm định và được Sở Tư pháp yêu cầu bổ sung. Một số đơn vị, địa phương vẫn sử dụng văn bản hành chính để quy định về TTHC.

- Việc phát hiện các vướng mắc, bất cập về TTHC để chủ động rà soát, kiến nghị phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải tiến TTHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đang còn chậm và chất lượng chưa cao. TTHC thực hiện liên thông giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 ít được đề xuất áp dụng. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho chỉ số PCI của Quảng Bình khó cải thiện.

- Công tác việc thực hiện giải quyết TTHC tại một số đơn vị, địa phương chưa thực sự nghiêm túc: Vẫn còn xảy ra tình trạng chưa kiểm soát chặt chẽ quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả; Chưa tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về TTHC như yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ mà không lập Phiếu yêu cầu nêu rõ lý do, giải quyết hồ sơ TTHC chậm trễ mà không lập đơn xin gia hạn, hoặc giải trình, giải thích lý do cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC nhưng chưa thực hiện bằng văn bản để gắn với trách nhiệm giải trình; Việc công khai các quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu pháp lý khác của tỉnh liên quan đến TTHC chưa thuận lợi cho việc tra cứu của người dân, doanh nghiệp... Những tồn tại trên cũng ảnh hưởng đến chỉ số PCI của Quảng Bình.

- Công tác truyền thông về TTHC vẫn còn hạn chế, thực tế vẫn chưa huy động được sự tham gia đông đảo của người dân, doanh nghiệp thông qua kênh phản ánh, kiến nghị cho UBND tỉnh theo Nghị định số 20/2008/NĐ-CP; vai trò của người dân trong việc góp ý, hiến kế và giám sát các quy định hành chính và hành vi hành chính chưa thực sự được phát huy.

- Việc tổng hợp số liệu về hồ sơ TTHC giải quyết chậm trễ, nguyên nhân chậm trễ để báo cáo UBND tỉnh và Chính phủ chưa chính xác, còn chạy theo thành tích. Dẫn đến người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước các cấp khó nắm bắt kịp thời, phải thông qua công tác kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm mới phát hiện, nhắc nhở chấn chỉnh.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chính vẫn là sự nhận thức chưa đầy đủ của một số cán bộ, công chức, viên chức đối với vai trò, tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền TCTT đối với TTHC; thiếu sự vào cuộc của lãnh đạo một số đơn vị, địa phương. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ đầu mối có nhiệm vụ tham mưu về công tác kiểm soát TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trong thời gian đã có nhiều thay đổi về mặt tổ chức, bố trí cán bộ. Từ đó dẫn đến còn nhiều hạn chế trong việc triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC; quá trình triển khai còn một số biểu hiện lúng túng, chưa đồng bộ, thống nhất về cách hiểu, cách làm.

Trong thời gian tới thì đẩy mạnh việc thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính theo kế hoạch và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo các thủ tục hành chính đơn giản, công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công dân, tổ chức và doanh nghiệp khi liên hệ giải quyết thủ tục hành chính. Trong giai đoạn 2011-2015, thực hiện cải cách thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh đảm bảo điều kiện

cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh, bền vững. Một số lĩnh vực trọng tâm cần tập trung là: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu, nhập khẩu; y tế; giáo dục; lao động; bảo hiểm; khoa học, công nghệ và một số lĩnh vực khác theo yêu cầu cải cách trong từng giai đoạn;

Cải cách thủ tục hành chính giữa các cơ quan hành chính nhà nước, các ngành, các cấp và trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các quy định về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định của pháp luật;

Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính bằng các hình thức thiết thực và thích hợp, tổ chức niêm yết công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và chuyên mục “thủ tục hành chính” trên website Quảng Bình; kiểm soát việc thực thi các thủ tục hành chính nhằm đảm bảo kỷ luật, kỷ cương nhà nước trong thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp;

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Chính quyền địa phương tỉnh Quảng Bình có vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người. Việc đảm bảo, thúc đẩy quyền con người được thể hiện thông qua việc đề ra các chủ trương, đường lối phát triển của đất nước nói chung và vì sự phát triển của địa phương nói riêng. Trên cơ sở những chủ trương, đường lối và định hướng chung trong xây dựng và phát triển đất nước, phát triển con người, toàn bộ hệ thống chính trị cùng tham gia xây dựng các nguyên tắc, qui tắc, cơ chế. Các chủ trương,

đường lối đã được thông tin đến các công dân, được thể chế hóa thành các quy định của pháp luật để thông tin và triển khai thực hiện.

Kết luận Chương 2

Trong thời gian qua, cùng với sự nỗ lực của toàn xã hội, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình đã có những chủ trương, chính sách nhằm đảm bảo quyền TCTT về TTHC bằng các cơ chế gián tiếp, trực tiếp để thúc đẩy tôn trọng và bảo đảm quyền TCTT về TTHC ở tỉnh Quảng Bình về cơ bản đã được xây dựng và đang trong quá trình hoàn thiện nhưng không tránh khỏi những bất cập về các hình thức, thủ tục, nội dung thông tin được phép tiếp cận cũng như trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong những vấn đề đó. Vì thế trong thời gian tới yêu cầu đặt ra là cần phải nhanh chóng hoàn thiện, bổ sung các chủ trương chính sách trực tiếp về quyền TCTT về TTHC của công dân cũng như nâng cao năng lực hoạt động của các thiết chế bảo vệ quyền được TCTT về TTHC.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực trạng hoạt động bảo đảm, bảo vệ và thực thi quyền được thông tin về TTHC của công dân ở Quảng Bình thời gian qua tồn tại một số bất cập, hạn chế

CHƯƠNG 3
QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP
CẬN THÔNG TIN VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI
TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1. Phương hướng tăng cường bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

3.1.1 Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về TTHC minh bạch, rõ ràng, có căn cứ

Cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính là hệ thống thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản pháp luật quy định về thủ tục hành chính liên quan đến cá nhân và tổ chức được thiết lập trên cơ sở các Quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc thủ tục giải quyết công việc của các bộ, ngành và địa phương. Mục tiêu chính của cơ sở dữ liệu nhằm cung cấp một địa điểm duy nhất để người sử dụng có thể tìm kiếm các thủ tục hành chính quan tâm. Cơ sở dữ liệu sẽ tăng cường khả năng tiếp cận thông tin về các quy định, tăng tính minh bạch của hệ thống thể chế và thiết lập một cơ sở lịch sử về hệ thống thủ tục hành chính.

Hiện nay, cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính quốc gia đã được thiết lập và cơ bản cung cấp đầy đủ thông tin về TTHC phục vụ nhu cầu tìm hiểu của công dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, để cơ sở dữ liệu phát huy hiệu quả, đảm bảo minh bạch, rõ ràng, có căn cứ, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- Các bộ, ngành, địa phương bám sát Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) quy định thủ tục hành chính để thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các TTHC kịp thời.

- Tích cực nhập tin về TTHC để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm cơ sở dữ liệu là nguồn cung cấp thủ tục hành chính nhanh, chính xác và thuận tiện nhất.

- Bảo đảm mạng lưới truyền tải cơ sở dữ liệu được thông suốt, nhanh chóng và hiện đại, dễ hiểu, dễ tra cứu.

3.1.2 Thủ tục hành chính phải được công khai hóa, dễ tiếp cận

Để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính của công dân, thì ngoài việc hoàn thiện thủ tục hành chính, việc công bố, công khai TTHC phải đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời, tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC, góp phần phòng, chống tiêu cực, củng cố lòng tin của nhân dân đối với các cấp chính quyền.

TTHC phải được công bố dưới hình thức quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của người đứng đầu cơ quan, đơn vị được cơ quan nhà nước cấp trên giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

Trong đó, việc niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC là yêu cầu bắt buộc theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Cách thức niêm yết TTHC cần được thực hiện thống nhất như sau:

Niem yết công khai TTHC trên bảng theo một hoặc nhiều cách thức sau: bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động... phù hợp với điều kiện cụ thể của cơ quan thực hiện niêm yết. Vị trí đặt bảng phải thích hợp, không quá cao hoặc quá thấp để cá nhân dễ đọc, dễ tiếp cận. Nơi đặt bảng phải có khoảng trống đủ rộng để người đọc có thể tìm hiểu, trao đổi, ghi chép; không sử dụng kính, màng nhựa, lưới thép hoặc cửa có khóa để che chắn bảng niêm yết TTHC.

TTHC gắn trên Bảng niêm yết được chia thành tập theo từng lĩnh vực, kết cấu sau: a) Danh mục TTHC theo lĩnh vực được ghi rõ tên TTHC và số thứ

tự tương ứng của từng TTHC; b) Nội dung của từng TTHC được in một mặt trên trang giấy tối thiểu là khổ A4, kèm theo mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có).

Ngoài cách thức công khai bắt buộc bằng hình thức niêm yết TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC và đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, có thể sử dụng thêm các hình thức công khai phù hợp khác, như: tập hợp các TTHC theo lĩnh vực để đóng thành quyển đặt tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC hoặc tại nhà văn hóa cộng đồng hoặc tại nơi sinh hoạt cộng đồng của các thôn, làng, bản, ấp, khóm hoặc các địa điểm sinh hoạt công cộng khác; in tờ rơi; sử dụng máy tính có kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>.

3.1.3 Trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin về thủ tục hành chính thuộc cơ quan chịu trách nhiệm tương ứng

Để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về TTHC của người dân thì việc xác định trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin về TTHC của các cơ quan có thủ tục hành chính và cơ quan khác có liên quan cần được thực hiện nghiêm túc. Cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó chú trọng tuyên truyền các quy định của pháp luật liên quan đến các thủ tục hành chính, đặc biệt các thủ tục được người dân quan tâm nhiều đó là thủ tục hành chính về đất đai, cấp giấy phép xây dựng...

Thứ hai, UBND cấp xã cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, bố trí nguồn lực để xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trên cơ sở đó cá nhân/công dân mới có thể tiếp cận pháp luật trong đó có tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính tư pháp thuận tiện và nhanh chóng.

Thứ ba, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường rà soát đề xuất kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ các quy định của

pháp luật, các thủ tục hành chính không phù hợp, các giấy tờ không cần thiết...

Thứ tư, nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan đơn vị, địa phương; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện thủ tục hành chính.

Thứ năm, cần bố trí một cán bộ trực tiếp trả lời yêu cầu của người dân qua điện thoại, hạn chế đến mức thấp nhất yêu cầu cung cấp thông tin, hướng dẫn, giải đáp qua điện thoại của người dân không được phản hồi.

Thứ sáu, đẩy mạnh niềm yết các thủ tục hành chính tại các cụm dân cư tập trung; tăng cường phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân, đặc biệt chú trọng người dân ở vùng sâu, vùng xa...

3.1.4 Tỉnh chịu trách nhiệm trong bảo đảm sự kết nối hệ thống thông tin về thủ tục hành chính tại địa phương

Để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về TTHC của người dân, qua đó tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC, thì vai trò của UBND tỉnh trong chỉ đạo các ngành, địa phương tăng cường công khai, minh bạch TTHC tại đơn vị, địa phương mình rất quan trọng, trong đó, vai trò của các cơ quan chuyên môn tham mưu có ý nghĩa quyết định. Để bảo đảm sự kết nối hệ thống thông tin về TTHC tại địa phương, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

- Các sở, ban, ngành soát xét, hệ thống lại Danh mục TTHC đang có hiệu lực thi hành thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đã được công bố chuẩn hóa gồm tên TTHC, số hiệu Quyết định công bố gửi cho các cơ quan được giao thẩm quyền giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh để rà soát việc công khai TTHC.

- Trên cơ sở Danh mục TTHC đã rà soát, UBND cấp huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn kiểm tra việc sao gửi các Quyết định công bố TTHC áp dụng tại cấp xã; gửi bổ sung cho UBND cấp xã các Quyết định công bố TTHC còn thiếu kèm theo Danh mục TTHC áp dụng tại cấp xã.

- Văn phòng UBND tỉnh cập nhật đầy đủ, kịp thời các TTHC đã được UBND tỉnh công bố lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và đơn vị, địa phương có thể tra cứu trên Chuyên mục TTHC hoặc tải về các Quyết định công bố TTHC để sử dụng. Bên cạnh đó, Văn phòng thiết lập, quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử tỉnh cần thống nhất chuyên mục Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh; phối hợp với Sở Tư pháp để xử lý các phản ánh, kiến nghị theo đúng quy trình được quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND. Nội dung đăng tải tại các chuyên mục phải gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, không chỉ giao cho đơn vị trực thuộc hoặc bộ phận tin học tự xử lý, thực hiện.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tạo liên kết (đường link) từ Chuyên mục TTHC của Cổng Thông tin điện tử tỉnh tới website đơn vị, địa phương; chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, UBND cấp xã kiểm soát việc niêm yết công khai TTHC theo 02 hình thức bắt buộc trên Bảng niêm yết và đóng thành Sổ hướng dẫn đặt tại Bộ phận Một cửa hoặc nơi tiếp nhận hồ sơ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP và Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND.

- Ngoài chuyên mục về TTHC, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập, quản lý, vận hành trên website của đơn vị, địa phương 02 chuyên mục: Đăng tải công khai các Quy hoạch, Kế hoạch, Chính sách và tài liệu pháp lý khác của HĐND tỉnh, UBND tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý; hướng dẫn, giải đáp,

xử lý các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và hành vi hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương.

- Giao một cơ quan cụ thể (Sở Tư pháp) theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và định kỳ báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện công bố, công khai và thực hiện TTHC tại địa bàn tỉnh.

3.2. Các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính tại tỉnh Quảng Bình

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

Quyền TCTT nói chung và về TTHC nói riêng đã được Nhà nước đã được cụ thể trong các văn bản pháp luật có liên quan về cơ bản đảm bảo thực hiện quyền TCTT của cá nhân/công dân. Nhưng quá trình thực hiện quyền các chủ thể tiếp cận còn thụ động thực hiện quyền của mình; thêm vào đó khả năng tìm kiếm khai thác thông tin của các chủ thể còn hạn chế; việc tìm kiếm các thông tin nhà nước nắm giữ còn nhiều khó khăn... Về phía chủ thể có nghĩa vụ cung cấp thông tin thì phương thức lưu trữ còn thủ công và cơ chế phân tán, thiếu tính chuyên nghiệp trong quản lý, công khai và cung cấp thông tin còn phổ biến trong các cơ quan nhà nước đặc biệt là chính quyền cấp cơ sở. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước mới chỉ ở giai đoạn thí điểm, triển khai chậm, chưa đồng đều. Cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thì kiêm nhiệm không chuyên trách. Việc công khai và cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước còn mang tính hình thức, hoạt động công khai và cung cấp thông tin phụ thuộc vào ý thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước; chưa có chế tài xử lý các hành vi vi phạm; các điều kiện đảm bảo công khai, cung cấp thông tin chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện...

Tồn tại sự khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế trong xác định nội hàm quyền TCTT. Nguyên nhân về nhận thức xuất phát từ chủ thể thực hiện quyền và chủ thể thực hiện nghĩa vụ. Đối với chủ thể thực hiện quyền do nhận thức chưa đầy đủ về TTHC cộng với sự hạn chế về kỹ năng, trình độ tìm kiếm cùng với tâm lý e ngại, thiếu tin tưởng trong quan hệ với cơ quan nhà nước nên chưa tích cực, chủ động thực hiện quyền của mình theo quy định. Đối với các cơ quan nhà nước, cán bộ công chức nhà nước do nhận thức chưa đầy đủ, đúng đắn về trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp thông tin, về ý nghĩa vai trò của TTHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả quản lý nhà nước... nên trong một số trường hợp việc công khai, cung cấp thông tin chưa đáp ứng yêu cầu của nhân dân. Nguyên nhân nữa là trong tổ chức thi hành pháp luật vẫn còn có những khâu, những công đoạn chưa tổ chức thực hiện, thiếu sự kiểm tra, kiểm soát từ bên trong hệ thống cơ quan nhà nước cũng như sự giám sát phản biện xã hội đối với lĩnh vực này; việc sơ kết, tổng kết liên quan đến thực hiện TTHC rất ít. Các quy định của pháp luật hiện hành, cơ chế bảo đảm đang còn có những vấn đề cần phải hoàn thiện nhằm bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, quyền TCTT về TTHC tại Quảng Bình nói riêng.

Cần quy định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của nhà nước, của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc ban hành chính sách, pháp luật và các điều kiện bảo đảm để thực hiện cung cấp thông tin về TTHC đầy đủ, kịp thời, chính xác cho công dân. Quy định rõ nội hàm, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện, cùng chế tài xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực TTHC trên nguyên tắc cơ bản tối đa hóa mọi thông tin mà người dân được tiếp cận và cung cấp, công dân có quyền tiếp cận mọi thông tin, trừ những thông tin thuộc bí mật nhà nước, xác định trách nhiệm nhà nước trong việc thực hiện các biện pháp và điều kiện bảo đảm quyền TCTT về TTHC của công dân, nguyên tắc thực hiện theo

đúng trình tự, thủ tục luật định, và việc thực hiện không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nhà nước, của tập thể và cá nhân khác...

Trên cơ sở rà soát hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành trong tất cả các lĩnh vực có liên quan đến TTHC. Đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước/lĩnh vực hành chính công và cả trong lĩnh vực tư pháp; trên cơ sở đó, xác định mối quan hệ giữa các văn bản pháp luật hiện hành với TTHC sẽ được xây dựng để từng bước sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành theo hướng bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước phù hợp với quy chuẩn chung quốc tế, tạo điều kiện bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền TCTT. Theo đó, xin mạnh dạn đề xuất một số nội dung nội dung cơ bản luật cần điều chỉnh: Luật cần xác định rõ cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin; quy định trách nhiệm công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước; xác định rõ phạm vi nội dung thông tin được công khai, được cung cấp theo yêu cầu; quy định hình thức công khai và hình thức cung cấp thông tin; quy định rõ ràng, minh bạch trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, thủ tục công khai thông tin; phí cung cấp thông tin và các chế tài xử lý các hành vi vi phạm. Đối với các trường hợp thu phí cung cấp thông tin cần xem xét miễn giảm đối với các đối tượng chính sách, người nghèo, người cận nghèo, người đang sinh sống làm việc, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn...

3.2.2. Về cơ chế bảo đảm quyền tiếp cận thông tin về thủ tục hành chính

Việc quy định minh bạch những loại thông tin về TTHC, phương thức, trình tự, thủ tục để công dân thực hiện được quyền tiếp cận thông tin của mình là những nội dung cần thiết, quan trọng.

Quyền tiếp cận thông tin về TTHC của công dân bao hàm hai khía cạnh: một mặt, đó là quyền của công dân được chủ động tiếp cận, thu thập thông tin về TTHC mà cơ quan nhà nước nắm giữ; mặt khác, đó là trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải cung cấp thông tin về TTHC cho công dân.

Vì vậy, để bảo đảm được quyền tiếp cận thông tin của công dân về TTHC cần xây dựng được cơ chế bảo đảm thực hiện hai khía cạnh trên. Cụ thể:

3.2.2.1 Bảo đảm quyền được chủ động tiếp cận thông tin của công dân

Để bảo đảm cho công dân được chủ động trong việc tiếp cận thông tin về TTHC, bên cạnh việc quy định một phạm vi tương đối rộng những thông tin cơ quan nhà nước phải chủ động công bố công khai về TTHC để công dân được biết mà không cần thiết phải yêu cầu, thì pháp luật cần có những quy định về trình tự, thủ tục rõ ràng, thuận tiện bảo đảm cho công dân có thể được tiếp cận đối với những thông tin về TTHC mà họ yêu cầu.

Về hình thức yêu cầu cung cấp thông tin: công dân có thể yêu cầu bằng văn bản, kể cả dưới hình thức văn bản điện tử cũng như chấp nhận cả yêu cầu cung cấp thông tin qua điện thoại hoặc bằng lời nói.

Về thời hạn trả lời và cung cấp thông tin: việc cung cấp thông tin nhanh chóng, đúng thời hạn là một yêu cầu quan trọng, bởi sự trì hoãn cung cấp thông tin nhiều khi đồng nghĩa với việc từ chối cung cấp thông tin và nếu thông tin không được cung cấp nhanh chóng thì có nhiều khả năng gây thiệt hại đến lợi ích của công dân. Bởi vậy, cần quy định yêu cầu cung cấp thông tin phải được xử lý kịp thời trong một thời hạn hợp lý.

Về thủ tục khiếu nại, khiếu kiện: trong trường hợp bị từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đúng theo quy định pháp luật, nên có quy định cho phép công dân có quyền khiếu nại, khiếu kiện đến cơ quan có thẩm quyền (có thể là cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan tòa án).

3.2.2.2. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động cung cấp thông tin cho công dân

Công dân có tiếp cận được thông tin hay không phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt là năng lực phục vụ của công chức nhà nước, bởi vậy, trách nhiệm của cơ quan trong việc cung cấp thông tin về TTHC cho công dân cần được thực hiện như sau:

- Chủ động công khai thông tin ngay cả khi không có yêu cầu. Việc công khai thông tin có thể bằng nhiều hình thức: đăng tải trên trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua người phát ngôn v.v..

Việc cung cấp thông tin một cách chủ động và tích cực như trên, ngoài việc bảo đảm cho công dân được chủ động tiếp cận với các thông tin cần thiết, còn mang lại những lợi ích nhất định cho cơ quan nhà nước. Cụ thể, nó có thể làm giảm gánh nặng hành chính khi phải trực tiếp trả lời những câu hỏi và yêu cầu cung cấp thông tin thông dụng. Việc công bố thông tin khi không có yêu cầu này có thể trực tiếp cải thiện tính hiệu quả của các cơ quan.

- Đăng tải thông tin trên website của cơ quan theo định kỳ, xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu về TTHC. Biện pháp này cho phép việc tiếp cận thông tin được thực hiện nhanh chóng và đỡ tốn kém cả về phía người dân lẫn cơ quan nắm giữ thông tin.

- Quản lý hồ sơ tài liệu: để có thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin, phải có một hệ thống lưu giữ tài liệu cho phép thu thập, lập danh mục, lưu trữ và cung cấp thông tin một cách dễ dàng. Vì vậy, pháp luật nhiều nước quy định rất cụ thể việc xây dựng, củng cố hệ thống lưu trữ hồ sơ, tài liệu, lập danh mục, thống kê, lưu trữ thông tin một cách thích hợp sao cho có thể dễ dàng trích xuất thông tin và đảm bảo rằng, các thông tin giá trị không bị mất mát. Nếu hồ sơ lưu trữ về những vấn đề cụ thể không được tạo ra, hoặc không thể xác định, hoặc không thể trích xuất thông tin một cách dễ dàng, quyền tiếp cận thông tin sẽ trở thành vô nghĩa.

- Bố trí cán bộ làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin: việc cần có cán bộ phụ trách thông tin tại các cơ quan hành chính nhà nước làm đầu mối để tiếp nhận các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân là cần thiết, vì cơ chế này cho phép các yêu cầu cung cấp thông tin TTHC được chuyển thẳng đến cho người đứng đầu cơ quan nắm giữ thông tin, trên cơ sở đó giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin cho họ. Nếu không bố trí được cán bộ đầu

mối, việc xử lý và giải quyết yêu cầu sẽ vòng vo, mất nhiều thời gian cho cả cơ quan cung cấp thông tin và công dân.

- Cơ chế theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin nói chung và thông tin về TTHC nói riêng. Cần có cơ quan độc lập chịu trách nhiệm giám sát việc thực thi pháp luật về quyền tiếp cận thông tin về TTHC trong thực tiễn, đồng thời phát huy vai trò giám sát của các thiết chế khác trong xã hội như các hội, đoàn, Mặt trận tổ quốc v.v..

Kết luận Chương 3

Hoàn thiện pháp luật cùng cơ chế bảo đảm quyền TCTT là những điều kiện tiên quyết trong việc bảo đảm thực hiện quyền TCTT ở Việt Nam. Quyền TCTT là cơ sở là nền tảng để thực hiện các quyền con người khác. Do đó, cần phải tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền TCTT về TTHC của mình. Ngày nay, thông tin càng đóng vai trò quan trọng đối với công dân và nhà nước. Vì vậy, trong thời gian tới khi Luật TCTT đi vào cuộc sống cần sớm tạo hành lang pháp lý an toàn và đầy đủ để công dân thực hiện quyền của mình. Việc bảo đảm quyền TCTT và thi hành tốt Luật TCTT sẽ làm tăng lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội và tăng cường dân chủ, góp phần quan trọng và bảo đảm ổn định chính trị, kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững đất nước. Bên cạnh việc hoàn thiện thể chế, cần phải củng cố và hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền TCTT thông qua việc củng cố tăng cường năng lực cho các cơ quan có liên quan.

KẾT LUẬN

1. Quyền TCTT về TTHC của công dân người là nhu cầu tự nhiên và vốn có của con người. Tính phổ biến là một trong những tính chất quan trọng nhất bậc nhất của quyền TCTT về TTHC. Quyền TCTT về TTHC mang tính khách quan nhưng nhận thức, bảo đảm và thực hiện quyền được thông tin về TTHC về TTHC lại chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: năng lực bản thân, trình độ văn hóa, điều kiện môi trường sống, điều kiện văn hóa, chính trị...

2. Quyền TCTT về TTHC là một trong những quyền con người dành được sự đồng thuận cao trong cộng đồng quốc tế. Bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền TCTT về TTHC trước hết là trách nhiệm của nhà nước. Song mọi tổ chức cá nhân trong xã hội đều phải có ý thức về quyền TCTT của mình.

3. Thực tiễn công tác bảo vệ quyền TCTT về TTHC ở Việt Nam thời gian qua đã thu được một số kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên những bất cập, hạn chế trong hoạt động bảo vệ của TCTT về TTHC còn khá phổ biến. Những bất cập đó xuất phát từ việc chưa hoàn thiện của các quy định pháp luật, sự thiếu phối hợp, thiếu thống nhất trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ, cũng như sự hạn chế về nhận thức của công dân chưa hiểu rõ hết các quyền của mình trong các TTHC từ đó dẫn đến quyền cơ bản của mình bị xâm phạm.

4. Các phương hướng và giải pháp bảo đảm và bảo vệ quyền TCTT về TTHC được đưa ra nhằm mục đích khắc phục các hạn chế, đẩy mạnh hiệu quả h quyền TCTT về TTHC trên thực tiễn. Để công tác bảo vệ quyền TCTT về TTHC phát huy hiệu quả tốt nhất cần phải phối hợp đồng bộ nhiều nhóm giải pháp bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền được thông tin về TTHC của công dân.

Để bảo đảm quyền TCTT về TTHC tại tỉnh Quảng Bình, bên cạnh các giải pháp hoàn thiện pháp luật nói chung còn phụ thuộc vào hiệu quả của cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền TCTT về TTHC của Quảng Bình nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Báo cáo thống kê năm 2014 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình.
- 2 Báo cáo thống kê năm 2015 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình.
- 3 Báo cáo thống kê năm 2016 của Sở Tư pháp Quảng Bình.
- 4 Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2014 và kế hoạch công tác 2015 của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Bình.
- 5 Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015 và nhiệm vụ công tác 2016 của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Bình.
- 6 Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và nhiệm vụ công tác 2017 của Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Quảng Bình.
- 7 Dương Thị Bình : “ *Thực trạng quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam*”, tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009;
- 8 Bộ Tư pháp, Báo cáo tổng hợp nhu cầu tiếp cận thông tin và các điều kiện đảm bảo thực hiện quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam.
- 9 Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, Trung tâm nghiên cứu quyền con người – quyền công dân (2011), *Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Lao động - Xã hội.
- 10 Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, Trung tâm nghiên cứu quyền con người – quyền công dân (2011), *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
- 11 Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật, Trung tâm nghiên cứu quyền con người – quyền công dân và Trung tâm luật so sánh (2011), *Tiếp cận thông tin, pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*.
- 12 Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Cương lĩnh Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- 13 Nguyễn Đăng Dung, Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Trịnh Quốc Toàn, Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên): *Về quyền tiếp cận thông tin nói riêng, có cuốn*

- sách chuyên khảo “*Tiếp cận thông tin: Pháp luật và thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011.
- 14 Thái Thị Tuyết Dung: *Quyền được thông tin trong hoạt động báo chí*”, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 248, tháng 8/2013;
 - 15 Tuyết Hà: “*Một số giải pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân về TTHC*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,
 - 16 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1980.
 - 17 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.
 - 18 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
 - 19 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946.
 - 20 Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959.
 - 21 Học viện Khoa học xã hội (2011), *Quyền con người*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 - 22 Nguyễn Quỳnh Liên : *Quyền tiếp cận thông tin trong các văn kiện quốc tế*” tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009.
 - 23 Vinh Nguyễn: “*Về quyền tiếp cận thông tin trong hoạt động báo chí hiện nay*”. Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.
 - 24 Lê Thị Hồng Nhung: “*Quyền tiếp cận thông tin từ góc độ xã hội học quyền con người*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 24 (209) tháng 12/2011.
 - 25 Quyết định số 885/QĐ-UBND Ngày 19-4-2012 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011 - 2020.
 - 26 Sở tư pháp Quảng Bình (2017), Tìm hiểu một số quy định pháp luật về kiểm soát TTHC.
 - 27 Thái Vĩnh Thắng ; *Quyền tiếp cận thông tin – điều kiện thực hiện các quyền con người và quyền công dân* ” , tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009 ”.

- 28 Thanh tra tỉnh Quảng Bình, Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015.
- 29 Thanh tra tỉnh Quảng Bình, Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2016.
- 30 Thanh tra tỉnh Quảng Bình, Báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2017.
- 31 Thiên Thanh, Lương Văn Tuấn: “*Quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam hiện nay*”, tạp chí Tuyên Giáo ngày 12/11/2015”.
- 32 Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Giáo trình Lý luận nhà nước và pháp luật (2011)*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- 33 Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Các vấn đề pháp lý cơ bản trong Công ước Viên năm 1969 về Luật ĐUQT kí kết giữa các quốc gia và việc thực hiện Công ước này ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
- 34 Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 35 Nguyễn Văn Tuấn (2011), Các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên và vấn đề nội luật hóa, *Tạp chí Luật học*, (5), tr. 40-49.
- 36 UBND tỉnh Quảng Bình Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014; 2015; 2016.
- 37 Nguyễn Thị Thu Vân: “*Cơ chế bảo đảm Quyền tiếp cận thông tin*”, tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17, tháng 9/2009.
- 38 Văn kiện Đại hội XII của Đảng cộng sản Việt Nam
- 39 Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2010), *Giáo dục quyền con người: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- 40 Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2010), *Quyền con người: Tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội,
- 41 Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội,
- 42 Viện Nghiên cứu quyền con người (2008), *Bình luận và khuyến nghị chung của các ủy ban công ước thuộc LHQ về quyền con người*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 43 Viện Nghiên cứu quyền con người (2008), *Bình luận và khuyến nghị chung của các ủy ban công ước thuộc LHQ về quyền con người*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- 44 Viện Ngôn ngữ học (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
- 45 Võ Khánh Vinh chủ biên (2011), *Quyền con người tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, tập 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011;
- 46 Võ Khánh Vinh, Lê Mai Thanh chủ biên (2014), *Cơ chế quốc tế và khu vực về quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 47 Võ Khánh Vinh, Lê Mai Thanh chủ biên (2014), *Pháp luật quốc tế về quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
- 48 Võ Khánh Vinh: *Quyền con người tiếp cận đa ngành, liên ngành luật học, tập 2*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
- 49 Võ Khánh Vinh: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.
- 50 Võ Khánh Vinh: *Quyền con người*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.
- 51 Võ Khánh Vinh: *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2009.
- 52 Võ Khánh Vinh: *Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.